

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc L - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2019/HS-ST

Ngày 17 - 4 - 2019

**NHÂN DA
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH PHÚC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần V Thái

Thẩm phán: Ông Phạm Quang H3

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Ngô Đức Khoa

Ông Nguyễn Duy Tài

Bà Bùi Thị Bích Liên

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Mai - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa:
Bà Kiều Thị Huệ - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ L số 01/2019/TLST-HS ngày 17 tháng 01 năm 2019 theo Q1 định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2019/QĐXXST - HS ngày 21 tháng 02 năm 2019 đối với bị cáo:

Đỗ Cao Q, sinh ngày 10/01/1994; nơi cư trú: Thôn VL, xã XH, huyện LT, tỉnh Vĩnh phúc; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ V hóa: Lớp 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Cao C và bà Nguyễn Thị B; có vợ Nguyễn Thu H và 01 con; tiền sự: Không;

- Tiền án: 01. Tại Bản án số 53/2015/HS - ST ngày 25/12/2015, Tòa án nhân dân huyện LT, tỉnh Vĩnh Phúc xử phạt Đỗ Cao Q 2 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Q chấp hành xong hình phạt tù ngày 30/3/2017, chấp hành xong phần án phí hình sự sơ thẩm ngày 11/3/2016.

- Nhân thân: Tại Bản án số 43/2018/HS-ST ngày 11/12/2018 của Tòa án nhân dân thành phố HG, tỉnh HG xử phạt Đỗ Cao Q 17 (Mười bảy) tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Bản án không có kháng cáo, kháng nghị nên đến nay đã có hiệu lực pháp luật.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 03/2019/HS-ST ngày 24 tháng 01 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện ĐT, tỉnh Thái Nguyên xử phạt Đỗ Cao Q 24

(Hai mươi bốn) tháng tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Bản án không có kháng cáo, kháng nghị nên đến nay đã có hiệu lực pháp luật.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 20/8/2018 đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Vĩnh Phúc.

Người bào chữa cho bị cáo: Bà Dương Thị T - Luật sư, V phòng Luật sư số 1, thuộc Đ luật sư tỉnh Vĩnh Phúc (có mặt).

Bị hại:

1. A Lê Thành G, sinh năm 1986; nơi cư trú: Khu hành chính 15, phường LB, thành phố VY, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt).

2. Chị Trần Thị H, sinh năm 1989; nơi cư trú: Khu hành chính 2, phường LB, thành phố VY, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt).

3. A Đào V Q1, sinh năm 1991; nơi cư trú: Thôn TL, xã H, huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt).

4. A Đặng V H, sinh năm 1985; nơi cư trú: Thôn VL, xã XH, huyện LT, tỉnh Vĩnh Phúc (có mặt).

5. A Phạm Đình T, sinh năm 1995; nơi cư trú: Thôn V, xã HĐ, huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của A Phạm Đình T: Ông Phạm V Ph, sinh năm 1969; địa chỉ: Thôn V, xã HĐ, huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc (có mặt).

6. A Trần Tr G2, sinh năm 1986; nơi cư trú: Tr trung cấp kỹ thuật tăng thiết giáp thuộc xã HS, huyện BX, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt).

7. A Vũ Việt A, sinh năm 1994; nơi cư trú: Thôn ĐV, xã VT, huyện LT, tỉnh Vĩnh Phúc (có mặt).

8. A Nguyễn Đình V, sinh năm 1995; nơi cư trú: Thôn NĐ, xã V Q, huyện LT, tỉnh Vĩnh Phúc (có mặt).

9. A Trần Ngọc Đ, sinh năm 1998; nơi cư trú: Khu 5, Tổ dân phố V S, thị trấn LT, huyện LT, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt).

10. Chị Nguyễn Thị Quỳnh Nh, sinh năm 1999; nơi cư trú: Thôn NS, xã NM, huyện LT, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt).

11. A Nguyễn Tuấn A, sinh năm 2000; nơi cư trú: Khu 3, xã TD, huyện PN, tỉnh Phú Thọ (vắng mặt).

12. A Phạm Bá M, sinh năm 1998; nơi cư trú: Khu 6, TĐ, thành phố VT, tỉnh Phú Thọ (có mặt).

13. A Nguyễn V Đ, sinh năm 1995; nơi cư trú: Thôn CL, xã BĐ, huyện YL, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt).

14. A Nguyễn V Q, sinh năm 1999; nơi cư trú: Tổ dân phố CĐ, thị trấn GK, huyện BX, tỉnh Vĩnh Phúc (có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. A Nguyễn V H, sinh năm 1986; nơi cư trú: Thôn L, xã ĐT, huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc (có mặt).
2. A Phan Bá L, sinh năm 1973; nơi cư trú: Tổ dân phố PC, thị trấn LT, huyện LT, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt).
3. A Phạm Quốc Đ, sinh năm 1989; nơi cư trú: Khu 5, xã PH, huyện H, tỉnh Phú Thọ (có mặt).
4. A Phạm Xuân Th, sinh năm 1997; nơi cư trú: Thôn PC, xã ĐC, huyện YL, tỉnh Vĩnh Phúc (có mặt).
5. A Nguyễn V P, sinh năm 1988; nơi cư trú: Thôn CT, xã ĐC, huyện YL, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt).
6. Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1989; nơi cư trú: Tổ dân phố PT, thị trấn LT, huyện LT, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt).
7. A Lưu V Đ, sinh năm 1985; nơi cư trú: Tổ dân phố PT, thị trấn LT, huyện LT, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt).
8. A Kiều V Ch, sinh năm 1959; nơi cư trú: Tổ dân phố Phú C H, thị trấn LT, huyện LT, tỉnh Vĩnh Phúc (có mặt).
9. A Đỗ H3 M, sinh năm 1998; nơi đăng ký hộ khẩu: Thôn YM, xã LM, huyện ML, thành phố Hà Nội; chỗ ở hiện nay: Số nhà 321, đường HV, phường TS, thành phố VY, tỉnh Vĩnh Phúc (có mặt).
10. A Phan V L, sinh năm 1970; nơi cư trú: Tổ dân phố VP, thị trấn H, huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt).
11. A Dương V H, sinh năm 1986; nơi cư trú: Tổ dân phố TL, thị trấn H CA, huyện BX, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt).
12. A Nguyễn Việt V, sinh năm 1975; nơi cư trú: Tổ 16, phường H V, thành phố PY, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt).
13. A Đặng V L, sinh năm 1989; nơi cư trú: Thôn BC, xã SL, huyện BX, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt).
14. A Nguyễn Công M, sinh năm 2001; nơi cư trú: Thôn AL, xã SL, huyện BX, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt).
15. A Nguyễn V Gi, sinh năm 1959; nơi cư trú: Số nhà 699 đường H3 V, Phường ĐT, thành phố VY, tỉnh Vĩnh Phúc (có mặt).
16. Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1995; nơi cư trú: Khu 3, xã TD, huyện PN, tỉnh Phú Thọ (vắng mặt).
17. A PH3 V H3, sinh năm 1978; nơi cư trú: H L, thị trấn HS, huyện LT, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt).
18. A Nguyễn Đình H, sinh năm 1991; nơi cư trú: ĐM, xã YL, huyện V T, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt).

19. A Dương Xuân Tr, sinh năm 1982; nơi ĐKKH: Khu 4, VP, VT, Phú Thọ. Chỗ ở hiện nay: Khu 1^A, phường NT, thành phố VT, tỉnh Phú Thọ (vắng mặt).

20. A Lò V T, sinh năm 1998; nơi cư trú: Thôn BC, xã C Hg Ly, huyện TC, tỉnh Sơn La (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt Nh sau:

Trong khoảng thời gian từ ngày 18/5/2018 đến ngày 20/8/2018, Đỗ Cao Q, sinh năm 1994, trú tại xã XH, huyện LT, tỉnh Vĩnh Phúc đã thực hiện 13 vụ lừa đảo chiếm đoạt tài sản trên địa bàn thành phố VY, huyện LT, huyện T D, huyện BX, tỉnh Vĩnh Phúc và thành phố VT tỉnh Phú Thọ, cụ thể Nh sau:

1. Vụ thứ nhất:

Do cần tiền tiêu xài cá nhân, Đỗ Cao Q nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản của người khác bằng hình thức thuê xe ô tô tự lái rồi mang đi cầm cố lấy tiền. Để thực hiện ý định trên, sáng ngày 18/5/2018, Đỗ Cao Q gọi điện cho A Lê Thành G, sinh năm 1986 trú tại khu hành chính 15, phường LB, thành phố VY hỏi thuê xe ô tô tự lái để đi du lịch thì A G đồng ý cho thuê xe ô tô BKS: 88A-163.42, nhãn hiệu Kia morning với giá 500.000đ/1 ngày. Tuy nhiên, do A G đang đi vận chuyển hàng ở thành phố Hà Nội nên chưa thể Gi xe ngay. Đến khoảng 13h30' cùng ngày, Đỗ Cao Q đến nhà A Lê Tám T4, sinh năm 1984 trú tại phường TS, thành phố VY là người quen của Q để chờ thuê xe. Tại đây, Q nói với A T: “*Em có việc cần tiền, em có thuê xe ô tô của A G, nhờ A hỏi A H có cầm cố được không? Em cầm xe mấy hôm rồi sẽ nhờ trả xe*”. Vì quen biết với Q trong thời gian Q tham gia cùng Hội Shipper Vĩnh Phúc (vận chuyển hàng) với mình và tin tưởng lời Q nói nên Lê Tám T gọi điện cho Nguyễn V H, sinh năm 1986 trú tại xã ĐT, huyện TD làm nghề kinh doanh dịch vụ cầm đồ, Tư nói: “*T H em có con xe ô tô muốn cầm, có nhận cầm cố cho nó không?*”, thì H hỏi lại: “*Xe đời bao nhiêu, cầm bao nhiêu tiền?*”, H liền đưa điện thoại của mình cho Q để trao đổi trực tiếp, Q nói: “*Em có con xe Kia morning đời 2018 của bố em, em cần tiền gấp, A cho em vay khoảng hơn 200 triệu, em để lại cho A con xe này khoảng 10 ngày, cùng lắm một tháng em trả*”. H đồng ý và hẹn Q cho xem xe, Nhưng lúc này vì chưa nhận bàn Gi xe nên Q nói dối là xe đang đi sửa, lúc nào sửa xong thì Q mang lên quán. Do không có giấy phép lái xe và không biết lái xe, sợ A G không cho thuê xe nên Q gọi điện cho bạn cùng Hội Shipper Vĩnh Phúc là Nguyễn V H, sinh năm 1993 trú tại xã HĐ, huyện TD bảo H cho mượn bằng lái xe ô tô vài hôm để Q thuê ô tô đi chơi, H tưởng thật nên đã đem giấy phép lái xe ô tô đến nhà Lê Tám T cho Q mượn. Đến khoảng 18h cùng ngày, Lê Thành G điều khiển xe ô tô BKS: 88A- 163.42 đến nhà T để thỏa thuận

việc thuê xe với Q. Tại đây, Q ký hợp đồng thuê xe ô tô của A G, thời hạn là 10 ngày kể từ ngày 18/5/2018 đến ngày 28/5/2018, giá thuê là 500.000đ/ngày, do chưa có tiền nên Q hẹn G chuyển tiền thuê xe qua tài khoản Ngân hàng, Q ghi số giấy phép lái xe của Nguyễn V H vào hợp đồng thuê xe rồi đưa trả giấy phép lái xe cho H. Sau đó, Q nhờ H chở A G về nhà rồi Q gọi điện cho Nguyễn V H để trao đổi về việc cầm cố tài sản, lúc này H cũng chuẩn bị đưa vợ con xuống VY nên đồng ý đến nhà T để xem xe. Tại nhà T, Q nói cần tiền để nhận đơn hàng và trả tiền sửa xe cho bố Q, Q muốn vay 250 triệu, khoảng 10 ngày thì Q trả, Q cầm cho H xe ô tô, H đồng ý và đưa trước cho Q 100.000.000 đồng, số tiền còn lại hẹn ngày hôm sau sẽ đưa nốt, hai bên thỏa thuận tiền lãi là 10.000.000đ. Q Gi cho H xe ô tô, giấy chứng nhận kiểm định xe ô tô BKS: 88A- 163.42, 01 giấy chứng nhận bảo hiểm TNDS và 01 bản sao giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô do Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng sao y ngày 02/4/2018. Sau đó Q đưa cho T 5.000.000đ nhờ T trả tiền thuê xe cho A Lê Thành G rồi Q đi về nhà. Sáng hôm sau, Q đến gặp H, H đưa cho Q số tiền 140.000.000 đồng, giữ lại 10.000.000đ tiền lãi, Q viết giấy vay tiền kiêm nhận nợ. Số tiền cầm cố xe Q tiêu xài cá nhân hết. Quá thời hạn không thấy Q trả tiền, H đã nhiều lần tìm kiếm Nhung không gặp được Q, để đảm bảo gia đình Q có trách nhiệm trả tiền thay Q, H đã yêu cầu ông Đỗ Cao C (bố đẻ Đỗ Cao Q) ký xác nhận dưới mục “Người bảo lãnh” tại giấy vay tiền kiêm nhận nợ mà Q đã viết. Đối với A Lê Thành G sau nhiều lần không liên lạc được với Q đã viết đơn trình báo tại Công an thành phố VY.

Ngày 30/7/2018, Cơ quan Công an thành phố VY đã tạm giữ từ Nguyễn V H xe ô tô BKS: 88A- 163.42, 01 giấy vay tiền kiêm nhận nợ, 01 giấy chứng nhận kiểm định xe ô tô BKS: 88A- 163.42, 01 giấy chứng nhận bảo hiểm TNDS, 01 bản sao giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô do Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng sao y ngày 02/4/2018.

Ngày 31/7/2018, Cơ quan Công an thành phố VY đã ra Q1 định trưng cầu định giá tài sản đối với chiếc xe ô tô trên. Ngày 03/8/2018, Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố VY kết luận: Trị giá xe ô tô BKS: 88A- 163.42 là 320.000.000đ.

Ngày 14/8/2018, Cơ quan Công an thành phố VY ra Q1 định trưng cầu giám định số 498 trưng cầu Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Vĩnh Phúc giám định chữ viết và chữ ký tại Hợp đồng cho thuê xe ô tô tự lái và Giấy vay tiền kiêm nhận nợ so với chữ viết và chữ ký của Đỗ Cao Q. Ngày 03/9/2018, Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Vĩnh Phúc kết luận: Chữ viết và chữ ký trên Hợp đồng cho thuê xe ô tô tự lái và Giấy vay tiền kiêm nhận nợ so với chữ viết chữ ký của Đỗ Cao Q là do cùng một người ký, viết ra.

Đối với xe ô tô BKS: 88A – 163.42 đăng ký mang tên chị Trần Thị H, sinh năm 1989 (Chị H là vợ A Lê Thành G). Quá trình điều tra xác định chiếc xe

trên là tài sản Ch của A G và chị H nên ngày 21/8/2018 Cơ quan Công an thành phố VY đã trả cho chị H chiếc xe trên và 01 giấy chứng nhận kiểm định xe ô tô BKS: 88A- 163.42, 01 giấy chứng nhận bảo hiểm TNDS, chị H, A G không có yêu cầu gì đối với Đỗ Cao Q về phần bồi thường dân sự.

Đối với Lê Tám T là người đã giới thiệu cho Đỗ Cao Q cầm cố xe cho A Nguyễn V H, Nguyễn V H là người cho Q mượn giấy phép lái xe để Q thuê xe của A Lê Thành G, tuy nhiên A T và A H đều không biết mục đích chiếm đoạt tài sản của Đỗ Cao Q, hơn nữa cũng không được hưởng lợi gì trong việc giúp Q Nh trên, nên hành vi của A T và A H không đồng phạm với Q về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản, vì vậy Cơ quan điều tra không đề cập xử L.

Đối với Nguyễn V H đã có hành vi nhận cầm cố tài sản là chiếc xe ô tô BKS: 88A- 163.42 khi không đủ giấy tờ chứng M nguồn gốc xe, không có giấy ủy quyền hợp lệ. Quá trình điều tra xác định H không biết chiếc xe ô tô trên là tài sản do Đỗ Cao Q phạm tội mà có, nên hành vi của H không cấu thành tội Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có Nhng đã vi phạm điểm e, khoản 2, Điều 11 Nghị định số 167/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh trật tự, an toàn xã hội. Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Vĩnh Phúc sẽ có V bản đề nghị Công an huyện TD xử L hành chính đối với Nguyễn V H.

Quá trình điều tra A H yêu cầu Đỗ Cao Q phải trả số tiền 240.000.000đ và đề nghị xử L nghiêm đối với Đỗ Cao Q.

2. Vụ thứ hai:

Đầu năm 2018, Đỗ Cao Q có tham gia Hội Shipper Vĩnh Phúc (Hội vận chuyển thuê hàng hóa, bưu phẩm) nên Q biết cách thức đặt, Gi nhận hàng. Cụ thể khi khách mua hàng qua mạng Internet, nhân viên vận chuyển hàng phải ứng trước một khoản tiền tương đương với giá trị của món hàng đó, khi Gi cho khác thì nhận tiền hàng và tiền công vận chuyển từ khách hàng. Trong quá trình vận chuyển hàng thuê, Đỗ Cao Q quen biết A Đào V Q1, sinh năm 1991 trú tại xã Hoàng Hoa, huyện Tam Dương cùng tham gia trong Hội Shipper. Vì cần tiền để tiêu xài cá nhân, Q nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tiền của A Đào V Q1 thông qua hình thức Gi nhận hàng Nh trên. Để thực hiện ý định trên, vào khoảng 7h sáng ngày 28/6/2018 Đỗ Cao Q chuẩn bị một hộp bìa các tông và để vào bên trong một đôi giày thể thao đã qua sử dụng rồi dán kín bằng băng dính. Sau đó, Q gọi điện nhờ A Q1 Gi hàng và hẹn gặp tại thị trấn LT, huyện LT. Khi gặp nhau, Q đưa hộp bìa các tông trên và nói với A Q1 là Q phải đi Tuyên Quang, nhờ A Q1 Gi hộ cho một người đàn ông ở Số nhà 29, đường La Thành, thị xã Sơn Tây, Hà Nội bên trong hộp là linh kiện điện tử có giá trị là 11.700.000đ còn cước vận chuyển là 800.000đ, A Q1 đồng ý, Q bảo A Q1 tạm ứng 11.700.000đ tiền hàng, A Q1 tưởng thật nên đã đưa Q số tiền 11.700.000đ, Q cho A Q1 số điện thoại

01288.098.223 và nói là của khách hàng Nhng thực tế số điện thoại trên do Q mua từ trước. Sau đó Q đi về nhà, còn A Q1 mang hàng đi Gi, trên đường đi A Q1 gọi vào số điện thoại 01288.098.223 để hẹn thời gian Gi nhận hàng thì Q nghe máy Nhng giả giọng khách đặt hàng, hẹn đầu giờ chiều cùng ngày sẽ nhận hàng, sau đó Q vứt bỏ chiếc sim điện thoại trên. Đến 14 giờ cùng ngày, A Q1 đi đến đường La Thành, thị xã Sơn Tây để Gi hàng Nhng không tìm thấy nhà số 29 nên điện thoại vào số máy do Q đưa cho thì không liên lạc được, gọi điện cho Q thì Q nói dối là đang ở Tuyên Quang, do đó A Q1 mang gói hàng về nhà. Sau nhiều lần liên lạc với Đỗ Cao Q không được, A Q1 mở gói hàng ra mới biết bên trong là đôi giày thể thao, không phải là linh kiện điện tử Nh lời Q nói, nên ngày 22/8/2018 A Q1 đã trình báo sự việc tại Công an huyện LT.

Ngày 06/12/2018, Cơ quan Công an tỉnh Vĩnh Phúc đã tiến hành tạm giữ hộp bìa các tông bên trong đựng đôi giày thể thao do Đào V Q1 Gi nộp, Đỗ Cao Q thừa nhận đôi giày trên là của Q và đã sử dụng để lừa đảo chiếm đoạt tiền của A Đào V Q1. Quá trình xác M xác định: Địa chỉ số nhà 29, đường La Thành là khu đất trống của A Trần A D, sinh năm 1970 trú tại phường Viên Sơn, thị xã Sơn Tây, A D không quen biết với Q, Q1 và từ trước đến nay không đặt hàng gì trên mạng Internet và cũng không đặt mua hàng của Q.

Quá trình điều tra A Q1 yêu cầu Đỗ Cao Q phải trả số tiền 11.700.000đ và đề nghị xử L nghiêm đối với Đỗ Cao Q.

3. Vụ thứ ba:

Sau khi chiếm đoạt được số tiền 11.700.000đ của A Đào V Q1 Nh nêu trên, Đỗ Cao Q đi về nhà tại thôn VL, xã Xuân Hoà, huyện LT. Tại đây, Q dự định đi Hà Nội chơi, Nhng nghĩ số tiền vừa chiếm đoạt không đủ để tiêu xài nên Q tiếp tục nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tài sản là xe máy rồi mang bán lấy thêm tiền. Để thực hiện ý định trên, khoảng 10 giờ ngày 28/6/2018, Q đi bộ sang nhà A Đặng V H, sinh năm 1985 ở cùng thôn với Q (A H làm nghề sửa chữa xe máy) hỏi mượn xe mô tô, Q nói dối là đưa bố vợ đi bệnh viện VY khám bệnh, A H tưởng thật nên đã cho Q mượn xe mô tô nhãn hiệu Honda Dream, BKS: 88D1-151.69 (Chiếc xe trên A H mua lại của A Lê V Cường ở thôn Rừng Chám, xã Xuân Hoà, huyện LT vào tháng 5/2018 với giá 20.250.000đ, đăng ký xe mang tên Lê V Cường), bên trong cốp xe có đăng ký xe mô tô BKS: 88D1- 151.69, Giấy phép lái xe và Chứng M nhân dân mang tên Đặng V H. Sau đó Q đem luôn chiếc xe trên đi bán cho A Phan Bá L, sinh 1973 trú tại tổ dân phố Phú C H, thị trấn LT, huyện LT. Khi bán xe Q nói là xe Q mua lại của người khác, tin là Q nói thật nên A L đã mua chiếc xe trên với giá 22.000.000đ, sau khi nhận tiền, Q đi xe khách về Hà Nội và tiêu xài cá nhân hết. Sau khi mua xe mô tô BKS: 88D1- 151.69, A Phan Bá L đã bán cho A Nguyễn V Bảo, sinh năm 1973, trú tại tổ dân phố Yên Mỹ, phường Xuân Hoà, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc với giá 22.500.000đ. Quá

trình sử dụng chiếc xe mô tô trên, A Bảo đã bị trộm cắp tại Hà Nội, A Bảo không trình báo với Cơ quan chính quyền sở tại. Vì vậy, Cơ quan điều tra không thu hồi được chiếc xe trên.

Ngày 03/10/2018, Cơ quan Công an huyện LT ra Q1 định trưng cầu định giá tài sản đối với chiếc xe mô tô BKS: 88D1-151.69 qua hồ sơ. Ngày 04/10/2018, Hội đồng định giá tài sản huyện LT kết luận trị giá chiếc xe trên là 9.000.000đ.

Đối với A Phan Bá L và Nguyễn V Bảo là những người mua bán xe mô tô BKS: 88D1- 151.69, quá trình điều tra xác định, A L và A Bảo không biết chiếc xe trên là tài sản do Đỗ Cao Q lừa đảo chiếm đoạt của người khác mà có nên hành vi của A Bảo, A L không cấu thành tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có, vì vậy, Cơ quan điều tra không đề cập xử L. Đối với số tiền 500.000đ A L được hưởng chênh lệch từ việc bán chiếc xe trên, A L đã tự nguyện Gi nộp cho Cơ quan điều tra.

Quá trình điều tra A Đặng V H yêu cầu Đỗ Cao Q bồi thường số tiền 23.000.000đ (bao gồm giá trị chiếc xe khi A H mua là 20.250.000đ và tiền A H sửa, lắp thêm một số phụ tùng) và đề nghị xử L nghiêm đối với Đỗ Cao Q. Đỗ Cao Q đồng ý bồi thường cho A H số tiền trên, Nhưng hiện nay Q không có tài sản gì nên sẽ bồi thường sau.

Đối với Chứng M nhân dân, Giấy phép lái xe mang tên Đặng V H, sau đó Đỗ Cao Q đã rút bỏ nên Cơ quan điều tra không thu hồi được, A H không yêu cầu Q phải trả lại.

4. Vụ thứ 4:

Sáng ngày 30/6/2018, Đỗ Cao Q sử dụng điện thoại Iphone 6 của mình đăng nhập vào tài khoản cá nhân trên trang mạng xã hội Facebook rồi truy cập vào trang “Mua bán xe máy cũ 88” với mục đích tìm kiếm thông tin, địa chỉ của những người rao bán xe máy cũ để tìm cách tiếp cận và lừa đảo chiếm đoạt tài sản của họ. Q tìm thấy thông tin của A Phạm Đình T, sinh năm 1995 trú tại thôn Vàng, xã Hoàng Đan, Tam Dương rao bán xe mô tô Exciter, BKS: 88K1- 224.17 với giá 33.000.000đ, kèm theo số điện thoại 0973256895 của A T nên nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt chiếc xe này. Để thực hiện ý định trên, Q mua sim điện thoại khuyến mại số 01226.431.615 rồi gọi điện cho A T hỏi mua xe và hẹn gặp ở thôn Vàng, xã Hoàng Đan, huyện Tam Dương xem xe. Sau đó Q thuê xe ôm đến gặp A T. Khi gặp nhau, Q bảo A T cho xem đăng ký xe và đưa xe cho Q đi thử, A T tưởng thật nên Gi đăng ký xe và xe cho Q đi thử, còn A T thì đứng chờ ở vệ đường. Lợi dụng lúc A T không để ý Q điều khiển xe đi mất, sau đó Q đi xe đến quán cầm đồ 99 thuộc xã Đại Đồng, Vĩnh Tường đặt vấn đề cầm cố xe cho A Phan V Quang, sinh năm 1995 trú tại xã Tam Phúc, huyện Vĩnh Tường. Nhưng A Quang không nhận cầm cố, tuy nhiên A Quang có giới thiệu Q cho A Nguyễn V Phi, sinh năm 1988, trú tại xã Đồng Cương, Yên Lạc. Sau đó Q đem xe đến quán sửa chữa

xe máy của Nguyễn V Phi ở phường Liên Bảo, thành phố VY. Tại đây Q giới thiệu với A Phi tên là Phạm Đình T và nhất trí bán xe cho A Phi với giá 25.000.000đ. Khi viết giấy bán xe Q lấy tên là Phạm Đình T. Đến ngày 08/7/2018, Nguyễn H Yên, sinh năm 1991 trú tại xã Đồng Cương, huyện Yên Lạc là em họ của Phi và đang làm cùng quán sửa xe máy với Phi đã bán giúp Phi chiếc xe trên cho Phạm Xuân Th, sinh 1997, trú tại xã Đồng Cương, huyện Yên Lạc với giá 28.500.000đ. Ngày 13/7/2018, Th bán xe mô tô trên cho Phạm Quốc Đ, sinh năm 1989, trú tại xã PH Viên, Hạ Hòa, Phú Thọ với giá 31.500.000đ.

Ngày 01/8/2018 A Phạm Đình T trình báo Công an huyện Tam Dương. Ngày 03/8/2018 Công an huyện Tam Dương đã tạm giữ xe mô tô BKS: 88K1- 224.17 cùng giấy đăng ký xe do A Phạm Quốc Đ Gi nộp.

Ngày 06/8/2018, Cơ quan Công an huyện Tam Dương ra Q1 định trưng cầu định giá đối với xe mô tô BKS: 88K1 - 224.17. Ngày 23/8/2018, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Tam Dương kết luận: Trị giá chiếc xe trên là 31.500.000đ.

Ngày 02/9/2018, Cơ quan Công an huyện Tam Dương đã trả cho A Phạm Đình T xe mô tô BKS: 88K1 - 224.17 và đăng ký xe, sau khi nhận lại tài sản A T không có yêu cầu gì đối với Q về bồi thường dân sự.

Đối với Nguyễn V Phi, Nguyễn H Yên, Phạm Xuân Th và Phạm Quốc Đ là những người mua bán xe mô tô BKS: 88K1 – 224.17, tuy nhiên khi mua bán A Yên, A Th, A Đ đều không biết là tài sản do người khác phạm tội mà có, nên hành vi của A Yên, Th, Đ không cấu thành tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có. Đối với số tiền 3.000.000đ A Phạm Xuân Th được hưởng chênh lệch từ việc bán chiếc xe trên, A Th đã tự nguyện Gi nộp cho Cơ quan điều tra.

Quá trình điều tra A Phạm Quốc Đ yêu cầu A Phạm Xuân Th phải trả cho A Đ số tiền 31.500.000đ, A Phạm Xuân Th yêu cầu Nguyễn V Phi phải trả A Th số tiền 28.500.000đ, Nguyễn V Phi yêu cầu Đỗ Cao Q phải trả số tiền 25.000.000đ.

5. Vụ thứ năm:

Vào khoảng cuối tháng 6/2018, Q sử dụng điện thoại Iphone 6 của mình đăng nhập vào tài khoản cá nhân trên trang mạng xã hội Facebook rồi truy cập vào trang mạng xã hội Facebook “Hội Exciter Vĩnh Phúc” với mục đích tìm kiếm thông tin, địa chỉ của những người có loại xe mô tô Exciter để tìm cách tiếp cận và lừa đảo chiếm đoạt tài sản của họ, Q tìm thấy thông tin tài khoản Facebook “POCA” của A Trần Tr G, sinh năm 1986 trú tại Tr trung cấp kỹ thuật tăng thiết giáp thuộc xã H Sơn - Bình Xuyên - Vĩnh Phúc đang bán xe mô tô Exciter, BKS: 88D1- 258.29 kèm theo số điện thoại 0986.338.370 của A G (Chiếc xe trên A G mua lại của A Hà Khắc Nam, sinh năm 1993 trú tại thị trấn Hoa Sơn, huyện LT vào ngày 20/5/2018 với giá 30.000.000đ, đăng ký xe mang tên Hà Khắc Nam). Q gọi điện cho A G hỏi mua xe và hẹn gặp để xem xe. A G cho Q địa chỉ và hẹn gặp ở khu phòng thuê trọ Dốc Láp, phường Liên Bảo, thành phố

VY, đến buổi chiều cùng ngày, Q đi xe bus rồi xuống xe đi đến khu trọ của A G. Tại đây, Q đi thử xe trong sân của khu trọ chờ A G sơ hở sẽ chiếm đoạt. Nhưng do A G quản lý chặt nên Q không thực hiện được hành vi chiếm đoạt xe mô tô nêu trên. Để A G không nghi ngờ, Q cố tình trả giá xe thấp nên A G không bán, Q đi về nghĩ cách khác để chiếm đoạt xe mô tô trên. Đến khoảng 14h ngày 05/7/2018, Đỗ Cao Q sử dụng số điện thoại khuyến mại là 01682.018.356 tiếp tục gọi điện cho A G hẹn gặp để thỏa thuận mua xe. Q đi đến ngã tư quán Tiên thuộc phường Hội Hợp, thành phố VY thuê ông PH3 V Bình, sinh năm 1962 trú tại phường Hội Hợp là người chở xe ôm, chở Q đến khu trọ gặp A G. Trên đường đi, Q chủ động gọi ông Bình là “bố” xưng “con”, mục đích là để cho A G khi nghe thấy cách xưng hô trên sẽ nghĩ ông Bình là bố đẻ của Q đưa đến mua xe thì sẽ mất cảnh giác và Gieo xe cho Q sử dụng. Khi đến khu trọ, ông Bình ngồi chờ ở bàn uống nước phía ngoài cổng, còn Q đi vào trong phòng trọ của A G, trước khi vào trong phòng Q cố tình nói to để cho A G nghe thấy: “*Bố cảm hộ con cái tui*” rồi đưa cho ông Bình một túi xách bên trong không đựng tài sản gì. Trong phòng thuê trọ, Q bảo A G cho xem đăng ký xe, A G đưa cho Q, sau đó Q để luôn đăng ký xe vào cốp, rồi Q bảo A G cho đi thử xe. Vì nghĩ rằng ông Bình là bố Q nên A G đưa chìa khóa xe cho Q, Q nổ máy điều khiển xe đi ở trong sân hai vòng, rồi lợi dụng lúc A G không để ý, Q điều khiển xe phóng đi. A G đuổi theo Nhưng không kịp, sau đó A G cùng với ông Bình đến Công an phường Liên Bảo, thành phố VY trình báo sự việc.

Sau khi chiếm đoạt xe mô tô BKS: 88D1- 258.29, Đỗ Cao Q đến quán nước của chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1989 ở khu vực cổng Tr THPT Ngô Gia Tự (là người quen của Q) hỏi vay chị H 21.000.000đ và để lại xe và đăng ký xe để làm tin, hẹn đến ngày 15/7/2018 sẽ trả tiền, hai bên thỏa thuận nếu đến hẹn mà Q không trả tiền thì chị H có quyền bán xe. Đến ngày 15/7/2018, Q không đến trả tiền nên chị H đã nhờ A Lưu V Đ, sinh năm 1985 trú tại thị trấn LT, huyện LT bán hộ xe BKS: 88D1- 258.29. Sau đó, Đại nhờ ông Nguyễn Quốc Huế, sinh năm 1968 trú tại xã XH, huyện LT xem có ai mua xe máy cũ thì giới thiệu cho Đại nên ông Huế đã giới thiệu Đại đến gặp ông Kiều V Ch, sinh năm 1959 trú tại Tổ dân phố Phú C H, thị trấn LT, huyện LT để bán xe. Sau đó Đại bán cho ông Ch với giá 26.700.000đ, Đại cầm tiền về trả cho H thì H cho Đại số tiền 700.000đ, còn lại H hưởng lợi số tiền chênh lệch là 5.000.000đ.

Ngày 16/7/2018, Cơ quan Công an thành phố VY ra Q1 định trưng cầu định giá đối với xe mô tô BKS: 88D1- 258.29 qua hồ sơ. Ngày 20/7/2018, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố VY kết luận: Trị giá xe mô tô BKS: 88D1- 258.29 là 28.000.000đ.

Ngày 25/7/2018, Cơ quan Công an thành phố VY đã tạm giữ xe mô tô BKS: 88D1- 258.29 và đăng ký xe từ ông Kiều V Ch.

Ngày 29/9/2018, Cơ quan Công an thành phố VY đã trả cho A Trần Tr G xe mô tô BKS: 88D1- 258.29 và đăng ký xe, sau khi nhận lại tài sản A G không có yêu cầu gì đối với Q về bồi thường dân sự.

Đối với Nguyễn Thị H là người nhận xe mô tô BKS: 88D1- 258.29 để làm tin và cho Đỗ Cao Q vay số tiền 21.000.000đ. Quá trình điều tra xác định khi hỏi vay tiền và để lại xe, Q nói dối là xe của Q, chị H không biết chiếc xe trên là tài sản do Q lừa đảo chiếm đoạt mà có, nên hành vi của chị H không cấu thành tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có, vì vậy, Cơ quan điều tra không đề cập xử L. Quá trình điều tra, chị H tự nguyện Gi nộp 5.000.000đ là tiền chênh lệch do mua bán chiếc xe trên mà có.

Đối với Lưu V Đ và Nguyễn Quốc Huế: Là những người đã giới thiệu và giúp cho Nguyễn Thị H bán chiếc xe trên, tuy nhiên A Đại và Huế không biết chiếc xe trên là do Đỗ Cao Q phạm tội mà có, nên Cơ quan điều tra không đề cập xử L. Quá trình điều tra, A Đại tự nguyện Gi nộp số tiền 700.000đ.

Đối với ông Kiều V Ch, là người mua xe mô tô BKS: 88D1- 258.29, tuy nhiên khi mua xe ông Ch không biết chiếc xe trên do Đỗ Cao Q phạm tội mà có, nên hành vi của ông Ch không cấu thành tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có.

Quá trình điều tra, ông Kiều V Ch yêu cầu Q bồi thường số tiền 26.700.000đ, Q đồng ý bồi thường cho ông Ch số tiền trên Nhng hiện Q không có tài sản gì nên sau này sẽ bồi thường sau.

6. Vụ thứ sáu: Ngày 06/7/2018, Đỗ Cao Q nảy sinh ý định chiếm đoạt xe máy của người quen để mang đi bán lấy tiền tiêu xài. Khoảng 15h cùng ngày, trong khi đang ngồi uống nước trước cổng Công ty TNHH Lợi Tín thuộc thị trấn LT, huyện LT, Đỗ Cao Q gọi điện cho Vũ Việt A, sinh năm 1994 trú tại thôn Đồng Vắn, xã Vân Trục, huyện LT là bạn học cùng cấp 3 hẹn gặp nhau uống nước. Một lúc sau, Vũ Việt A điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade BKS: 88D1: 309.17 đến gặp Q. Khi đang ngồi uống nước, Q nói cho Q mượn xe để Q đi vay ít tiền, A Việt A tưởng thật nên Gi xe cho Q. Q điều khiển xe đi luôn về thành phố VY để tìm cách tiêu thụ. Trên đường đi, Q mở cốp xe thấy bên trong có một ví giả da, trong ví có Chứng M nhân dân, giấy phép lái xe và đăng ký xe mô tô BKS: 88D1 – 309.17 đều mang tên Vũ Việt A. Sau đó Q điều khiển xe đến Cửa hàng mua bán xe máy, ô tô Việt A ở số nhà 321, đường H3 V, phường Tích Sơn, thành phố VY giới thiệu tên là Vũ Việt A và bán cho A Đỗ H3 M, sinh năm 1998, trú tại xã Liên Mạc, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội (là chủ cửa hàng) với giá 25.000.000đ. Khi viết giấy bán xe Q lấy tên là Vũ Việt A. Số tiền bán xe Q tiêu xài cá nhân hết.

Ngày 16/7/2018, Cơ quan Công an huyện LT ra Q1 định trưng cầu định giá tài sản đối với xe mô tô BKS: 88D1- 309.17. Trên cơ sở hồ sơ, tài liệu, ngày 18/7/2018, Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện LT kết luận trị giá chiếc xe trên là 35.000.000đ.

Ngày 07/12/2018 Cơ quan Công an tỉnh Vĩnh Phúc đã tạm giữ xe mô tô BKS: 88D1- 309.17, giấy đăng ký xe và 01 giấy bán xe do Đỗ H3 M Gi nộp.

Ngày 16/12/2018, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Vĩnh Phúc đã trả cho A Vũ Việt A xe mô tô BKS: 88D1 – 309.17 và đăng ký xe, sau khi nhận lại tài sản A Việt A không có yêu cầu gì về bồi thường dân sự. Đối với Chứng M nhân dân và giấy phép lái xe mang tên Vũ Việt A, sau đó Q đã vứt bỏ nên Cơ quan điều tra không thu hồi được, A Việt A không yêu cầu Q phải trả lại.

Đối với A Đỗ H3 M là người mua xe mô tô BKS: 88D1- 309.17. Quá trình điều tra xác định, Đỗ Cao Q lấy tên là Vũ Việt A để bán xe cho A M, A M không biết chiếc xe trên là tài sản do Q chiếm đoạt mà có, nên hành vi của A M không cấu thành tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có, vì vậy Cơ quan điều tra không đề cập xử L.

Quá trình điều tra, A Đỗ H3 M yêu cầu Đỗ Cao Q phải trả số tiền 25.000.000đ.

7. Vụ thứ bảy:

Khoảng 14 giờ ngày 14/7/2018, Đỗ Cao Q sử dụng điện thoại Iphone 6 của mình đăng nhập vào tài khoản cá nhân trên Facebook rồi truy cập vào trang Facebook “ Hội mua bán xe máy cũ” với mục đích tìm kiếm thông tin, địa chỉ của những người đăng bán xe để tìm cách tiếp cận và lừa đảo chiếm đoạt tài sản của họ, Q tìm thấy thông tin của A Nguyễn Đình V, sinh năm 1995 trú tại thôn Nam Đông, xã V Quán, huyện LT đăng bán xe mô tô Honda Dream, BKS: 88D1- 117.52 kèm theo số điện thoại 0981.011.268. Để thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của A V, vào khoảng 16h cùng ngày Đỗ Cao Q sử dụng sim điện thoại khuyến mại là 0978784426 gọi cho A V hỏi mua xe, Q nói: *“A cứ đi về Xuân Hoà, LT, về hẳn nhà em để em xem xe, được thì em mua, không được thì em gửi A 200.000đ tiền xăng”*. Nghe vậy A V đồng ý đi đến nhà Q để thoả thuận việc mua bán xe. Lúc này khoảng 19h30, nhà Q không có ai ở nhà, Q bảo A V cho xem đăng ký xe và đưa xe cho Q đi thử, A V tưởng thật đưa đăng ký xe và xe cho Q, lợi dụng lúc A V không để ý Q điều khiển xe mô tô đi luôn về thành phố VY tìm cách tiêu thụ, A V đuổi theo Nhng không kịp nên đã đến Công an huyện LT trình báo sự việc. Khi đến thành phố VY thì trời đã tối nên Đỗ Cao Q thuê nhà nghỉ ngủ qua đêm. Đến sáng ngày hôm sau, Q đi xe đến Cửa hàng mua bán xe máy cũ của A Phan V L, sinh năm 1970, trú tại thị trấn Hợp Hoà, huyện Tam Dương để bán xe. Tại đây, Q nói với A L tên là Vũ Việt A, sinh năm 1994 ở xã Vân Trục, huyện LT, nguồn gốc chiếc xe mua lại của A Nguyễn V H và đưa chứng M nhân dân của Vũ Việt A (lấy được khi lừa đảo chiếm đoạt xe mô tô BKS: 88D1- 309.17 vào ngày 06/7/2018) cho A L xem. A L không xem kỹ nên không phát hiện ra chứng M nhân dân không phải của Q, vì vậy đã đồng ý mua xe với giá 19.000.000đ. Số tiền trên Q tiêu xài cá nhân hết. Đối với xe mô tô BKS: 88D1 – 117.52, sau đó A Phan V L đã bán cho một người nam giới không rõ tên tuổi địa chỉ với giá 20.000.000đ, do đó Cơ quan không thu hồi được.

Ngày 03/10/2018, Cơ quan Công an huyện LT ra Q1 định trưng cầu định giá tài sản đối với xe mô tô BKS: 88D1- 117.52. Trên cơ sở hồ sơ, tài liệu, ngày 04/10/2018, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện LT kết luận: Trị giá chiếc xe là 9.000.000đ.

Đối với xe mô tô BKS: 88D1 – 117.52, đăng ký mang tên Nguyễn V H, sinh năm 1975, trú tại thôn Làng Cầu, xã V Quán, huyện LT, quá trình điều tra xác định tháng 2/2018 A H bán cho A Nguyễn Đình V với giá 23.000.000đ.

Đối với Phan V L là người mua bán chiếc xe mô tô BKS: 88D1- 117.52. Quá trình điều tra xác định A L không biết chiếc xe trên là tài sản do Đỗ Cao Q chiếm đoạt của người khác mà có, nên hành vi của A L không cấu thành tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có, vì vậy, Cơ quan điều tra không đề cập xử L. Quá trình điều tra A L đã tự nguyện Gi nộp số tiền 1.000.000đ tiền chênh lệch do mua bán chiếc xe trên.

Quá trình điều tra A Nguyễn Đình V yêu cầu Đỗ Cao Q phải bồi thường 23.000.000đ là số tiền A V dùng để mua xe và đề nghị xử L nghiêm đối với Đỗ Cao Q. Đỗ Cao Q đồng ý bồi thường cho A V số tiền trên, Nhưng hiện tại Q không có tài sản gì nên sẽ bồi thường sau.

8. Vụ thứ 8:

Ngày 15/7/2018, Đỗ Cao Q sử dụng điện thoại Iphone 6 của mình đăng nhập vào tài khoản cá nhân trên mạng Facebook rồi truy cập vào trang Facebook “ Hội xe Exciter Vĩnh Phúc” với mục đích tìm kiếm thông tin, địa chỉ của những người có loại xe mô tô Exciter để tìm cách tiếp cận và lừa đảo chiếm đoạt tài sản của họ, Q tìm thấy thông tin của A Trần Ngọc Đ, sinh năm 1998, trú tại thị trấn LT, huyện LT là thành viên của hội xe Exciter Vĩnh Phúc đăng thông tin có sở H xe mô tô Exciter biển kiểm soát 88D1- 312.96, kèm theo số điện thoại 0974462702 (Chiếc xe trên A Đ mua mới từ tháng 5/2017 với giá 40.000.000đ, đăng ký mang tên A Đ). Để thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt chiếc xe trên, Q sử dụng số điện thoại khuyến mại 01226.462.701 gọi cho A Đ tự giới thiệu là nhân viên ở Cửa hàng Thế giới di động và cần thuê xe Exciter của A Đ đi chạy quảng cáo với tiền công là 400.000đ/1 ngày. A Đ đồng ý và hẹn gặp Q ở thành phố VY. Khoảng 07h ngày 16/7/2018, A Đ điều khiển xe mô tô BKS: 88D1- 312.96 đến gặp Q tại cổng Tr Cao đẳng kinh tế kỹ thuật thuộc phường Hội Hợp, thành phố VY. Q bảo Đ cho xem đăng ký xe để chụp ảnh làm hợp đồng, Đ đưa đăng ký xe cho Q, xem xong Q cố tình để đăng ký vào cốp xe (lúc này trong cốp xe còn có cả chứng M nhân dân của A Đ). Sau đó, Q bảo Đ chở Q đi thử xe, khi đến phường Tích Sơn - VY thì Q bảo Đ dừng lại để Q điều khiển xe đi mẫu cho Đ xem. Khi Đ xuống xe ngồi chờ ở vệ đường thì Q điều khiển xe đi đến cửa hàng mua bán xe máy cũ của A Dương V H, sinh năm 1986, trú tại thị trấn H CA, huyện Bình Xuyên bán xe cho A H. Q giới thiệu tên là Trần Ngọc Đ nên A H

đồng ý mua xe với giá là 28.500.000đ. Khi viết giấy bán xe, Q lấy tên là Trần Ngọc Đ. Đến ngày 18/7/2018, A H bán chiếc xe trên cho A Nguyễn Việt V, sinh 1975, trú tại phường H3 V, thành phố Phúc Yên với giá 30.000.000đ, A V bán cho Đặng V L, sinh năm 1989, trú tại thôn Bá Cầu, xã Sơn Lôi, huyện Bình Xuyên với giá 30.500.000đ. Đặng V L bán cho Nguyễn Công M, sinh năm 2001, trú tại thôn An Lão, xã Sơn Lôi, huyện Bình Xuyên với giá 34.500.000đ.

Ngày 26/8/2018, Cơ quan CSĐT Công an thành phố VY ra Q1 định trưng cầu định giá đối với xe mô tô BKS: 88D1- 312.96. Trên cơ sở hồ sơ, tài liệu, ngày 31/8/2018, Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố VY kết luận: Trị giá chiếc xe là 29.500.000đ.

Ngày 28/11/2018, A Nguyễn Công M đã Gi nộp cho Cơ quan Công an tỉnh Vĩnh Phúc xe mô tô BKS: 88D1 – 312.96, đăng ký xe và 02 giấy bán xe.

Ngày 16/12/2018, Cơ quan Công an tỉnh Vĩnh Phúc đã trả cho A Trần Ngọc Đ xe mô tô BKS: 88D1 – 312.96 và đăng ký xe, sau khi nhận lại tài sản A Đ không yêu cầu Đỗ Cao Q bồi thường về dân sự. Đối với chứng M nhân dân mang tên A Đ, sau đó Q rút bỏ nên Cơ quan điều tra không thu hồi được, A Đ không yêu cầu Q phải trả lại.

Đối với Dương V H, Nguyễn Việt V, Đặng V L, Nguyễn Công M là những người mua bán xe mô tô BKS: 88D1- 312.96. Quá trình điều tra xác định A H, A V, A L, A M không biết chiếc xe trên là tài sản do Đỗ Cao Q chiếm đoạt của người khác mà có nên hành vi của A H, A V, A L, A M không cấu thành tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có, vì vậy Cơ quan điều tra không đề cập xử L. Quá trình điều tra, A H đã tự nguyện Gi nộp số tiền 1.500.000đ, A V nộp 500.000đ (là tiền chênh lệch do mua bán chiếc xe trên). Đối với Đặng V L, Cơ quan Công an tỉnh đã nhiều lần triệu tập xác M Nhng L không có mặt tại địa pH. Đối với số tiền 4.000.000đ, Đặng V L hưởng lợi từ việc bán chiếc xe trên cần truy thu sung công quỹ.

Quá trình điều tra A Nguyễn Công M yêu cầu Đỗ Cao Q phải bồi thường số tiền 34.500.000đ và đề nghị xử L nghiêm đối với Đỗ Cao Q. Q đồng ý bồi thường cho A M số tiền trên, Nhng hiện tại Q không có tài sản gì nên sẽ bồi thường sau.

9. Vụ thứ 9:

Ngày 19/7/2018, Đỗ Cao Q sử dụng điện thoại Iphone 6 của mình đăng nhập vào tài khoản cá nhân trên Facebook rồi truy cập vào trang Facebook “ Hội xe Exciter Vĩnh Phúc” với mục đích tìm kiếm thông tin, địa chỉ của những người có xe mô tô Exciter để tìm cách tiếp cận và lừa đảo chiếm đoạt tài sản của họ, Q tìm thấy thông tin của A Trần V Công, sinh năm 1993 trú tại xã Liễn Sơn, huyện LT đăng thông tin sở H xe mô tô Exciter, kèm theo số điện thoại 0919.253.694. Q sử dụng sim khuyến mại số 01282.399.115 gọi cho A Công tự giới thiệu là nhân viên của Cửa hàng Thế giới di động và cần thuê khoảng 10 xe Exciter đi chạy quảng cáo với tiền công là 400.000đ/1

ngày. A Công cho Q số điện thoại 01658.873.587 của chị Nguyễn Thị Quỳnh Nh, sinh năm 1999 trú tại xã Ngọc Mỹ, huyện LT là thành viên của hội xe Exciter LT để Q liên hệ, còn A Công do bận việc nên không tham gia. Sau đó, Q gọi điện cho chị Nh giới thiệu mình làm ở Cửa hàng Thế giới di động và cần thuê xe Exciter đi chạy quảng cáo với tiền công là 400.000đ/1 ngày thì chị Nh đồng ý, Q hẹn gặp chị Nh vào sáng ngày 20/7/2018 tại bến xe mới VY. Đến khoảng 09h ngày 20/7/2018, do chị Nh không có xe Exciter nên đã hỏi mượn xe Exciter, BKS: 88B1- 128.22 của A Nguyễn V Thà, sinh năm 1997, trú tại xã Hợp L, huyện LT rồi chở theo bạn là Trần Thị Huệ, sinh năm 1999, trú tại xã Ngọc Mỹ, huyện LT đến gặp Q (Chiếc xe mô tô trên là tài sản của A Nguyễn V Thà mua lại của A Nguyễn Việt Dũng, sinh năm 1984, trú tại phường Đồng Đa, thành phố VY vào tháng 10/2017, đăng ký xe mô tô mang tên A Dũng). Khi gặp nhau tại quán nước công bến xe VY, Q bảo để Q chở chị Nh đi thử các tuyến đường sẽ đi điều hành, chị Nh đồng ý Gi xe cho Q điều khiển, còn Huệ ngồi chờ ở quán nước. Trên đường đi, Q bảo Nh cho xem đăng ký xe để chụp ảnh làm hợp đồng, Nh bảo Huệ đang cầm đăng ký nên Q chở Nh quay lại gặp Huệ lấy đăng ký. Sau khi giả vờ xem đăng ký xe, Q cố tình để vào cốp xe. Sau đó, Q tiếp tục điều khiển xe chở Nh đến phường Tích Sơn, thành phố VY thì Q bảo Nh ngồi chờ để Q đi đón bạn. Nh tưởng thật xuống xe ngồi chờ thì Q điều khiển xe đi luôn đến bán cho ông Nguyễn V Gi, sinh 1959, làm nghề kinh doanh mua bán xe máy cũ tại phường Đồng Tâm, thành phố VY. Q giới thiệu tên là Trần Ngọc Đ và sử dụng chứng M nhân dân của A Đ (Q lấy được khi lừa đảo chiếm đoạt xe mô tô vào ngày 16/7/2018) để làm thủ tục bán chiếc xe trên cho ông Gi với giá 18.500.000đ và Đỗ Cao Q mua lại của ông Gi xe mô tô nhãn hiệu SYM, Angel, BKS: 88F7-5545 với giá 4.500.000đ để sử dụng, do đó ông Gi đưa cho Q số tiền 14.000.000đ. Khoảng 04 ngày sau, Q đã bán xe mô tô BKS: 88F7-5545 cho 01 người nam giới không biết tên, tuổi, địa chỉ với giá 2.500.000đ. Sau khi sự việc xảy ra chị Nh đã trình báo tại Công an thành phố VY.

Ngày 24/7/2018, Cơ quan Công an thành phố VY ra Q1 định trưng cầu định giá tài sản đối với xe mô tô BKS: 88B1- 128.22. Trên cơ sở hồ sơ, tài liệu, ngày 03/8/2018, Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố VY kết luận: Trị giá chiếc xe trên là 20.000.000đ.

Ngày 21/8/2018, Cơ quan Công an thành phố VY đã tạm giữ từ ông Nguyễn V Gi xe mô tô BKS: 88B1- 128.22 và đăng ký xe.

Đối với A Nguyễn V Thà (là người cho chị Nh mượn xe mô tô BKS: 88B1- 128.22), sau khi bị Đỗ Cao Q chiếm đoạt chiếc xe trên, chị Nguyễn Thị Quỳnh Nh đã trả cho A Thà số tiền 25.000.000đ (tương đương với giá trị chiếc xe mô tô BKS: 88B1- 128.22), đến nay A Thà không có yêu cầu, đề nghị gì.

Ngày 10/9/2018, Cơ quan Công an tỉnh Vĩnh Phúc đã trả cho chị Nguyễn Thị Quỳnh Nh xe mô tô BKS: 88B1- 128.22 và đăng ký xe, sau khi nhận lại tài sản, chị Nh không có yêu cầu gì đối với Q về bồi thường dân sự.

Đối với ông Nguyễn V Gi là người mua chiếc xe mô tô BKS: 88B1- 128.22, khi mua chiếc xe trên, ông Gi không biết là tài sản do Q lừa đảo chiếm đoạt mà có, nên hành vi của ông Gi không cấu thành tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có, vì vậy Cơ quan điều tra không đề cập xử L. Quá trình điều tra, ông Nguyễn V Gi yêu cầu Đỗ Cao Q phải bồi thường số tiền 18.500.000đ.

10. Vụ thứ 10:

Ngày 21/7/2018, Đỗ Cao Q sử dụng điện thoại Iphone 6 đăng nhập bằng tài khoản cá nhân vào mạng Facebook rồi truy cập vào trang Facebook “ Hội nhóm Exciter Việt Trì ” với mục đích tìm kiếm thông tin, địa chỉ của những người có xe mô tô Exciter để tìm cách tiếp cận và lừa đảo chiếm đoạt xe của họ, Q tìm thấy thông tin của A Nguyễn Tuấn A, sinh năm 2000, trú tại xã Tiên Du, huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ có đăng thông tin sở H xe mô tô loại Exciter, kèm theo số điện thoại 0973584812. Để thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt xe của A Tuấn A, Q sử dụng sim khuyến mại số 01287051836 gọi cho Tuấn A giới thiệu tên là Bình, làm ở Cửa hàng Thế giới di động Việt Trì và cần thuê xe Exciter đi chạy quảng cáo cho cửa hàng với tiền công là 400.000đ/1 ngày, Tuấn A nói với Q là không có giấy phép lái xe thì Q bảo nhờ ai đi hộ. Q hẹn gặp Tuấn A tại quán bia thuộc phường Vân Phú, thành phố Việt Trì. Đến khoảng 15 giờ cùng ngày, Tuấn A đi cùng Ngô Quang Tuấn, sinh năm 2000 ở cùng xã đến gặp Q và ngồi uống bia đến 18 giờ cùng ngày thì đi về. Tuấn điều khiển xe máy chở Q và Tuấn A đi về, Q nhờ Tuấn chở đến nhà nghỉ 606 thuộc thị trấn Phong Châu, huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ để Q ngủ qua đêm, còn Tuấn và Tuấn A đi về nhà. Đến khoảng 06 giờ ngày 22/7/2018, Q gọi điện cho Tuấn A xuống đón Q ở nhà nghỉ 606 để cùng đi xuống thành phố Việt Trì để Q hướng dẫn cách đi quảng cáo. Do không có giấy phép lái xe mô tô nên Tuấn A nhờ chị dâu là Nguyễn Thị H, sinh 1995 đi cùng. Tuấn A điều khiển xe mô tô Exciter BKS: 19P1- 262.93 còn chị H điều khiển xe mô tô Honda Lead BKS: 19G1- 240.84 đến nhà nghỉ 606 đón Q thì Q mời Tuấn A và chị H đi ăn sáng. Khi đang ăn thì Q bảo Tuấn A để chị H chạy xe quảng cáo vì Tuấn A không có giấy phép lái xe thì Tuấn A đồng ý. Sau đó, Tuấn A Gi xe mô tô BKS: 19P1- 262.93 cho Q điều khiển chở chị H, còn Tuấn A đi xe của chị H về nhà. Q điều khiển xe chở chị H đến phường Gia Cẩm, thành phố Việt Trì thì dừng lại và bảo chị H đi thử một vòng để Q hướng dẫn cách thức đi, chị H điều khiển xe đi một vòng quay lại thì Q nói chị H đi chưa đúng và bảo có giấy tờ xe gì thì chị H để vào trong cốp xe để Q hướng dẫn cách điều khiển xe, dừng xe, mở cốp lấy giấy tờ ra để chụp hình quảng cáo, chị H tưởng thật nên để đăng ký xe và giấy phép lái xe của chị H vào cốp xe rồi đưa xe cho Q đi thử, sau đó Q đi luôn đến cửa hàng mua bán xe máy cũ của A PH3 V H3, sinh năm 1978, trú tại thị trấn Hoa Sơn, huyện LT, tỉnh Vĩnh Phúc để bán. Q nói với A H3 xe Q mua lại của Nguyễn Tuấn A, A H3 đồng ý mua xe với giá 29.500.000đ, khi viết giấy bán xe Q lấy tên là Trần Ngọc Đ. Tại thời điểm này Q mua lại của A H3 xe mô tô Sirius BKS: 88F1- 095.47 với giá 12.500.000đ, A H3 trả cho Q 16.000.000đ, còn 1.000.000đ A H3 hẹn Q

mang chứng M nhân dân của Tuấn A đến thì sẽ trả nốt tiền. Q cầm tiền và không quay lại cửa hàng của A H3 nữa. Khoảng 10 ngày sau Q bán xe mô tô Sirius BKS: 88F1-095.47 cho một người nam giới không biết tên tuổi, địa chỉ tại Hà Nội. Sau khi mua xe mô tô BKS: 19P1- 262.93, A H3 bán cho A Nguyễn Đình H, sinh năm 1991, trú tại xã Yên L, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc với giá 31.000.000đ. Đến ngày 13/8/2018, A H tìm gặp Tuấn A để làm thủ tục sang tên đổi chủ thì biết việc Tuấn A bị Q lừa đảo chiếm đoạt xe mô tô, nên đến Công an thành phố Việt Trì trình báo sự việc, Công an thành phố Việt Trì đã tạm giữ xe mô tô BKS: 19P1- 262.93 và đăng ký xe do A H Gi nộp.

Ngày 27/8/2018, Cơ quan Công an thành phố Việt Trì đã ra Q1 định trưng cầu định giá tài sản đối với xe mô tô BKS: 19P1- 262.93. Tại bản kết luận định giá ngày 28/8/2018, Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Việt Trì kết luận: Trị giá chiếc xe là 29.720.000đ.

Đối với xe mô tô BKS: 19P1- 262.93, đăng ký mang tên Nguyễn Tuấn A và 01 đăng ký xe mô tô, ngày 18/9/2018, Cơ quan Công an thành phố Việt Trì đã trả lại cho A Nguyễn Tuấn A, sau khi nhận lại tài sản A Tuấn A không có yêu cầu gì về bồi thường dân sự. Đối với chứng M nhân dân mang tên Nguyễn Thị H sau đó Q vứt bỏ nên Cơ quan điều tra không thu hồi được, chị H không yêu cầu Q phải trả lại.

Quá trình điều tra, A PH3 V H3 đã trả lại cho A Nguyễn Đình H số tiền 31.000.000đ nên A H không có yêu cầu đề nghị gì. A H3 yêu cầu Đỗ Cao Q phải trả 28.500.000đ và đề nghị xử L nghiêm đối với Đỗ Cao Q.

Đối với PH3 V H3, Nguyễn Đình H là những người mua, bán chiếc xe mô tô BKS: 19P1- 262.93. Quá trình điều tra xác định A H3, H không biết chiếc xe trên là do Q lừa đảo chiếm đoạt mà có, nên hành vi của A H3, A H không cấu thành tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có, vì vậy cơ quan điều tra không đề cập xử L.

11. Vụ thứ 11:

Ngày 27/7/2018, Đỗ Cao Q sử dụng điện thoại Iphone 6 của mình đăng nhập vào tài khoản cá nhân trên mạng xã hội Facebook rồi truy cập vào trang Facebook “Hội xe Exciter Việt Trì, Phú Thọ” với mục đích tìm kiếm thông tin, địa chỉ của những người có xe mô tô Exciter để tìm cách tiếp cận và lừa đảo chiếm đoạt xe của họ, Q tìm thấy thông tin, số điện thoại 01657926087 của chị Đào Ánh Tuyết, sinh năm 1999, trú tại xã Chu Hóa, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ, là thành viên của hội và có xe mô tô loại Exciter. Để thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt xe của chị Tuyết, Q sử dụng sim điện thoại khuyến mại có số thuê bao 0949.099.178 gọi cho chị Tuyết tự giới thiệu tên là Bình, làm ở Cửa hàng Thế giới di động Việt Trì và cần thuê xe Exciter đi chạy quảng cáo cho Cửa hàng với tiền công là 400.000đ/1 ngày. Chị Tuyết đồng ý, Q hẹn gặp chị Tuyết vào ngày 28/7/2018 để làm hợp đồng và dẫn chị Tuyết mang theo giấy tờ xe. Nhưng chiếc xe trên chị Tuyết mua trả góp nên chưa có đăng ký xe, vì vậy Q nhờ chị Tuyết giới thiệu

cho một người khác có xe máy loại xe Exciter và có đầy đủ giấy tờ. Chị Tuyết gọi điện cho A Phạm Bá M, sinh năm 1998, trú tại Khu 6, ThA Đình, thành phố Việt Trì trao đổi nội dung Nh lời Q nói thì A M đồng ý nhận chạy xe quảng cáo. Chị Tuyết gửi số điện thoại của A M cho Q. Sau đó, Q gọi cho A M hẹn gặp vào sáng ngày 28/7/2018 tại phường Vân Cờ, thành phố Việt Trì. Khoảng 06 giờ ngày 28/7/2018, A M điều khiển xe mô tô BKS: 19B1- 367.21, nhãn hiệu Yamaha Exciter đến gặp Q. Q bảo M đi thử xe để Q chụp ảnh, A M điều khiển xe đi thử một vòng thì Q nói đi chưa đúng, Q bảo A M đưa đăng ký xe, giấy phép lái xe và chứng M nhân dân của A M cho Q để Q hướng dẫn cách điều khiển xe, dừng xe, xuất trình giấy tờ để chụp hình quảng cáo. Khi A M đưa số giấy tờ trên, Q cất vào trong cốp xe rồi bảo A M đứng chờ quan sát Q đi xe. Sau đó, Q điều khiển xe mô tô BKS: 19B1- 367.21 đi luôn đến cửa hàng mua bán xe máy cũ của A Dương Xuân Tr, sinh năm 1982, trú tại phường Nông Trang, thành phố Việt Trì để bán xe. Q nói dối tên là Phạm Bá M, A Tr đồng ý mua xe với giá 30.000.000đ, Q viết giấy bán xe lấy tên là Phạm Bá M. Số tiền bán xe sau đó Q đã tiêu sài cá nhân hết. Sau khi sự việc xảy ra A M đã trình báo tại Công an thành phố Việt Trì.

Ngày 04/9/2018, Cơ quan Công an thành phố Việt Trì đã tạm giữ từ A Dương Xuân Tr xe mô tô BKS: 19B1 – 367.21 và đăng ký xe.

Ngày 05/9/2018, Cơ quan Công an thành phố Việt Trì đã ra Q1 định trưng cầu định giá tài sản đối với xe mô tô BKS: 19B1- 367.21. Tại bản kết luận định giá tài sản ngày 06/9/2018, Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Việt Trì kết luận: Trị giá chiếc xe là 26.005.000đ.

Đối với xe mô tô BKS: 19B1 – 367.21, đăng ký xe mang tên A Phạm Bá M, ngày 18/9/2018 Cơ quan Công an thành phố Việt Trì đã lại cho A M, sau khi nhận lại tài sản A M không có yêu cầu gì đối với Q về bồi thường dân sự. Đối với chứng M nhân dân mang tên Phạm Bá M, sau đó Q đã rút bỏ nên Cơ quan điều tra không thu hồi được, A M không yêu cầu Q phải trả lại, A M đề nghị xử L nghiêm đối với Q.

Đối với Dương Xuân Tr là người mua chiếc xe mô tô BKS: 19B1- 367.21. Quá trình điều tra xác định A Tr không biết chiếc xe trên là tài sản do Q lừa đảo chiếm đoạt mà có, nên hành vi của A Tr không cấu thành tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có, vì vậy Cơ quan điều tra không đề cập xử L. Quá trình điều tra A Dương Xuân Tr yêu cầu Q phải trả số tiền 30.000.000đ.

12. Vụ thứ 12:

Ngày 05/8/2018, Đỗ Cao Q sử dụng điện thoại Iphone 6 của mình đăng nhập vào tài khoản cá nhân trên mạng Facebook rồi truy cập vào trang Facebook “ Hội xe Exciter Vĩnh Phúc” với mục đích tìm kiếm thông tin, địa chỉ của những người có xe mô tô Exciter để tìm cách tiếp cận và lừa đảo chiếm đoạt tài sản của họ, Q tìm thấy thông tin của A Nguyễn V Đ, sinh năm 1995, trú tại xã Bình Định, huyện Yên Lạc là thành viên của hội và sở H xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter, BKS: 88F1- 392.73, kèm theo số điện thoại là 0917.454.626, chiếc xe trên đăng ký mang tên A Đ. Để thực hiện hành vi

lừa đảo chiếm đoạt xe của A Đ, Q gọi cho A Đ tự giới thiệu là nhân viên ở Cửa hàng Thế giới di động và cần thuê xe Exciter đi chạy quảng cáo sản phẩm với tiền công là 450.000đ/1 ngày. A Đ đồng ý và hẹn gặp Q ở xã Bình Định, huyện Yên Lạc. Đến khoảng 21h ngày 05/8/2018, Q đi đến xã Bình Định, huyện Yên Lạc gặp Đ và tự giới thiệu tên là Khải, sinh năm 1992 ở huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội. Sau đó, Q và Đ vào quán uống bia đến khoảng 02h ngày 06/8/2018 thì Q nhờ Đ chở đến nhà nghỉ Linh Nam ở thành phố VY để thuê phòng nghỉ, trên đường đi Q bảo Đ cho xem đăng ký xe để chụp ảnh làm hợp đồng, Đ lấy đăng ký xe đưa cho Q xem, khi xem xong Q giữ lại không trả Đ. Khi đến nơi, Q và Đ thuê phòng nghỉ qua đêm. Đến 07 giờ ngày 08/8/2018, Q chở Đ đi ăn sáng. Khi đang ăn tại quán phở của bà Cao Thị Lan, sinh năm 1962 ở phường Khai Quang, thành phố VY thì Q giả vờ ra ngoài nghe điện thoại rồi đi xe đến cửa hàng mua bán xe máy của A Nguyễn Việt V, sinh 1975, trú tại phường H3 V, thành phố Phúc Yên để bán xe (Trên đường đi Q mở cốp xe lấy đăng ký xe thì thấy có cả chứng M nhân dân mang tên Nguyễn V Đ) Q giới thiệu tên là Đ, A V đồng ý mua xe với giá 32.000.000đ, khi viết giấy bán xe Q lấy tên là Nguyễn V Đ. Ngày 10/8/2018, A V bán lại xe mô tô trên cho Lò V T, sinh 1998 trú tại xã C Hg Ly, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La với số tiền là 33.700.000đ.

Ngày 26/8/2018, Cơ quan Công an thành phố VY ra Q1 định trưng cầu định giá tài sản đối với xe mô tô BKS: 88F1- 392.73. Trên cơ sở hồ sơ, tài liệu, ngày 31/8/2018, Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố VY kết luận: Trị giá chiếc xe là 32.000.000đ.

Ngày 19/10/2018, Cơ quan Công an tỉnh Vĩnh Phúc đã tạm giữ xe mô tô BKS: 88F1- 392.73 và đăng ký xe từ A Lò V T.

Đối với xe mô tô BKS: 88F1 -392.73 và đăng ký mang tên A Nguyễn V Đ, ngày 15/12/2018, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Vĩnh Phúc đã trả cho A Đ, sau khi nhận lại tài sản trên, A Đ không yêu cầu Q phải bồi thường về dân sự. Đối với chứng M nhân dân của A Đ, sau đó Q đã vứt bỏ nên Cơ quan điều tra không thu hồi được, A Đ không yêu cầu Q phải trả lại.

Quá trình điều tra A Nguyễn Việt V đã tự nguyện Gi nộp số tiền 1.700.000đ (tiền chênh lệch khi mua bán xe mô tô BKS: 88F1- 392.73).

Quá trình điều tra, A Lò V T T yêu cầu Đỗ Cao Q phải trả số tiền 33.700.000đ (tiền A T mua xe) và đề nghị xử L nghiêm đối với Q.

Đối với Nguyễn Việt V, Lò V T là người mua xe mô tô BKS: 88F1- 392.73. Quá trình điều tra xác định A V và A T không biết chiếc xe trên là tài sản do Q chiếm đoạt mà có, nên hành vi của A V và A T không cấu thành tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có, vì vậy cơ quan điều tra không đề cập xử L.

13. Vụ thứ 13:

Ngày 20/8/2018, Đỗ Cao Q sử dụng điện thoại Iphone 6 của mình đăng nhập vào tài khoản cá nhân trên trang mạng xã hội Facebook rồi truy cập vào trang Facebook

“Hội xe Exciter Vĩnh Phúc” với mục đích tìm kiếm thông tin, địa chỉ của những người có xe mô tô Exciter để tìm cách tiếp cận và lừa đảo chiếm đoạt xe của họ, Q tìm thấy thông tin của A Nguyễn V Quân, sinh năm 1999, trú tại thị trấn Gia Khánh, huyện Bình Xuyên là thành viên của hội xe Exciter Vĩnh Phúc, có đăng thông tin sở H xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter, BKS: 88G1- 331.70, kèm theo số điện thoại 0963.904.327 (chiếc xe trên A Nguyễn V Quân mua lại của A Hoàng V Thông, sinh 1984, trú tại xã Phú Xuân, huyện Bình Xuyên vào khoảng tháng 2/2018, đăng ký xe mang tên A Thông). Q sử dụng sim khuyến mại gọi cho A Quân tự giới thiệu là nhân viên của Cửa hàng Thế giới di động và cần thuê xe Exciter của A Quân đi chạy quảng cáo với số tiền công là 350.000đ/1 ngày. A Quân đồng ý và hẹn gặp Q ở thị trấn Gia Khánh, huyện Bình Xuyên. Khoảng 14h ngày 20/8/2018, A Quân điều khiển xe mô tô BKS: 88G1- 331.70 đến gặp Q tại ngã ba Quang Hà, thị trấn Gia Khánh, huyện Bình Xuyên. Q bảo A Quân cho xem đăng ký xe và giấy phép lái xe để chụp ảnh làm hợp đồng, Quân lấy các giấy tờ trên đưa cho Q. Q giả vờ chụp ảnh rồi đưa lại cho Quân, Quân cất vào ví rồi để vào cốp xe. Sau đó, Q bảo A Quân đi thử xe khoảng 3 đến 4 vòng rồi Q nói đi không đúng để Q đi mẫu cho xem. A Quân tưởng thật Gi xe cho Q, Q liền điều khiển xe đi luôn, khi đến xã H Sơn, huyện Bình Xuyên, Q kiểm tra tại giỏ xe thấy có 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 plus màu đen A Quân để ở đó và trong ví của A Quân có đăng ký xe, giấy phép lái xe và chứng M nhân dân của A Quân cùng số tiền 1.200.000đ, Q lấy giấy tờ, điện thoại và tiền rồi vứt bỏ ví ở vệ đường. Sau đó, Q điều khiển xe mô tô BKS: 88G1- 331.70 đến cửa hàng mua bán xe máy cũ của A Vũ Trọng Kiên- SN: 1985, trú tại phường Tích Sơn, thành phố VY để bán. Trong quá trình thỏa thuận mua bán, A Kiên nghi ngờ Q là đối tượng đã lừa đảo chiếm đoạt nhiều xe mô tô trong thời gian gần đây và đem bán cho các chủ hiệu mua bán xe máy cũ nên đã điện báo cho Công an thành phố VY, Cơ quan Công an thành phố VY tiến hành kiểm tra xác định Đỗ Cao Q là người đã thực hiện nhiều vụ lừa đảo chiếm đoạt tài sản nên đã tiến hành tạm giữ xe mô tô BKS: 88G1-331.70; 01 giấy Chứng M nhân dân; 01 giấy phép lái xe đều mang tên Nguyễn V Quân và 01 giấy đăng ký xe mang tên Hoàng V Thông; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 plus bên trong lắp sim số 0963.904.327 và số tiền 1.200.000đ. Sau đó Cơ quan Công an thành phố VY đã bàn Gi số đồ vật, tài sản trên cho Cơ quan Công an huyện Bình Xuyên để giải Q1 theo thẩm quyền.

Ngoài ra Cơ quan điều tra còn tạm giữ của Đỗ Cao Q 01 điện thoại Iphone 6, 01 điện thoại Nokia 110i và 01 giấy phép lái xe mang tên Phạm Bá M.

Ngày 31/8/2018, Cơ quan Công an huyện Bình Xuyên ra Q1 định trưng cầu định giá tài sản đối với xe mô tô BKS: 88G1- 331.70 và 01 điện thoại Iphone 7 plus. Ngày 07/9/2018, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Bình Xuyên kết luận trị giá chiếc xe là 25.333.000đ và điện thoại Iphone 7 plus là 8.000.000đ

Ngày 17/9/2018, Cơ quan Công an huyện Bình Xuyên đã trả cho A Nguyễn V Quân xe mô tô BKS: 88G1-331.70; 01 giấy Chứng M nhân dân; 01 giấy phép lái xe đều

mang tên Nguyễn V Quân và 01 giấy đăng ký xe mang tên Hoàng V Thông; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 plus bên trong lắp sim số 0963.904.327 và số tiền 1.200.000đ. Sau khi nhận lại tài sản, A Quân không yêu cầu Q phải bồi thường về dân sự và đề nghị xử L nghiêm đối với Q. Đối với chiếc ví Q vứt bỏ Cơ quan điều tra không thu hồi được, A Quân không yêu cầu phải trả lại.

Đối với các sim điện thoại Q sử dụng gọi cho các bị hại khi thực hiện hành vi Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, sau đó Q đã vứt bỏ nên Cơ quan điều tra không thu giữ được. Đối với điện thoại Iphone 6 và điện thoại Nokia 110i, quá trình điều tra xác định là PH tiện Q sử dụng liên lạc khi thực hiện hành vi phạm tội.

Ngoài những vụ Lừa đảo chiếm đoạt tài sản nêu trên, Đỗ Cao Q còn thực hiện 02 vụ lừa đảo chiếm đoạt tài sản tại thành phố HG, tỉnh HG và tại huyện ĐT, tỉnh Thái Nguyên, cụ thể:

- Ngày 30/7/2018, Đỗ Cao Q lừa đảo chiếm đoạt tài sản là xe mô tô BKS: 20F1- 476.63, nhãn hiệu Yamaha Exciter của A Xiêm A Tú, sinh năm 1997, trú tại xã Khôi Kỳ, huyện ĐT, tỉnh Thái Nguyên. Vụ án được Cơ quan CSĐT Công an huyện ĐT, tỉnh Thái Nguyên thụ L điều tra giải Q1 theo quy định pháp luật.

- Ngày 01/8/2018, Đỗ Cao Q lừa đảo chiếm đoạt tài sản là xe mô tô BKS: 23B1- 348.19, nhãn hiệu Yamaha Exciter của A Phạm V Chính, sinh 1997, trú tại xã Tân Quang, huyện Bắc Quang, tỉnh HG. Vụ án được Cơ quan Công an thành phố HG, tỉnh HG thụ L điều tra giải Q1 theo quy định pháp luật. Ngày 11/12/2018, Tòa án nhân dân thành phố HG đưa vụ án trên ra xét xử và xử phạt Đỗ Cao Q 17 tháng tù.

Đối với hai vụ án trên, Cơ quan Công an thành phố VY đã có công V trao đổi về việc đề nghị Cơ quan Công an huyện ĐT và Cơ quan Công an thành phố HG chuyển vụ án đến Cơ quan Công an thành phố VY để điều tra theo thủ tục Ch Nhng không được chấp nhận.

Tại bản cáo trạng số: 05/CT-VKS-P3 ngày 17 tháng 01 năm 2019, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc truy tố bị cáo Đỗ Cao Q về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố Nh cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Đỗ Cao Q phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"; áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 56 Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Đỗ Cao Q từ 13 đến 14 năm tù tổng hợp với hình phạt 17 tháng tù của bản án số 43/2018/HS-ST ngày 11/12/2018 của Tòa án nhân dân thành phố HG, tỉnh HG và 24 tháng tù của bản án số 03/2019/HS-ST ngày 24/01/2019 của Tòa án nhân dân huyện ĐT, tỉnh Thái Nguyên buộc bị cáo phải chấp hành Ch hình phạt của ba bản án là từ 16 năm 5 tháng đến 17 năm 5 tháng.

Áp dụng Điều 47, Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015. Trả lại cho A Đặng V H 500.000đ; A Phạm Xuân Th 3.000.000đ; ông Kiều V Ch 5.700.000đ; A Nguyễn Đình V 1.000.000đ; A Nguyễn Công M 2.000.000đ A Lò V T 1.700.000đ.

Trả lại cho A Phạm Bá M 01 giấy phép lái xe mang tên Phạm Bá M.

Buộc Đỗ Cao Q phải bồi thường cho A Nguyễn V H số tiền 240.000.000đ, bồi thường cho A Đào V Q1 11.700.000đ; bồi thường cho A Đặng V H số tiền 22.500.000đ; bồi thường cho A Nguyễn V Phi số tiền 25.000.000đ; bồi thường cho ông Kiều V Ch số tiền 21.000.000đ; bồi thường cho A Đỗ H3 M số tiền 25.000.000đ; bồi thường cho A Nguyễn Đình V số tiền 22.000.000đ; bồi thường cho A Nguyễn Công M số tiền 32.500.000đ; bồi thường cho A PH3 V H3 số tiền 28.500.000đ, bồi thường cho ông Nguyễn V Gi số tiền 18.500.000đ; bồi thường cho A Dương Xuân Tr số tiền 30.000.000đ; bồi thường cho A Lò V T số tiền 32.000.000đ.

Buộc Phạm Xuân Th phải trả cho A Phạm Quốc Đ 31.500.000đ, buộc Nguyễn V Phi phải trả cho Phạm Xuân Th 28.500.000đ.

Truy thu của Đặng V L số tiền 4.000.000đ (số tiền L được hưởng lợi từ việc bán xe do Đỗ Cao Q lừa đảo chiếm đoạt mà có).

Tịch thu bán sung công quỹ điện thoại Iphone 6 và điện thoại Nokia Đỗ Cao Q sử dụng làm pH tiện liên lạc khi thực hiện hành vi phạm tội.

Tịch thu tiêu hủy đôi giày thể thao.

Xác nhận: Cơ quan điều tra đã thu giữ và trả lại 01 xe ô tô cho A Lê Thành G, xe mô tô và đăng ký xe cho A Phạm Đình T, Trần Tr G, Vũ Việt A, Trần Ngọc Đ, Nguyễn Thị Quỳnh Nh, Nguyễn Tuấn A, Phạm Bá M, Nguyễn V Đ và Nguyễn V Quân là hợp pháp.

Người bào chữa cho bị cáo: Nhất trí về tội dA, điều luật Nh Viện kiểm sát đã truy tố đối với bị cáo, về hình phạt đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được trA tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định Nh sau:

[1] Về hành vi, Q1 định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc k H nại về hành vi, Q1 định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, Q1 định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại cơ quan điều tra cũng Nh tại phiên tòa bị cáo Đỗ Cao Q thừa nhận hành vi phạm tội của mình Nh nội dung cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố: Xét lời khai nhận tội của bị cáo tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập được có trong hồ sơ và kết quả tra tụng thẩm tra chứng cứ tại phiên tòa, nên có đủ căn cứ để chứng M và kết luận:

Trong khoảng thời gian từ ngày 18/5/2018 đến ngày 20/8/2018, Đỗ Cao Q đã thực hiện 13 vụ lừa đảo chiếm đoạt tài sản trên địa bàn tỉnh Phú Thọ và tỉnh Vĩnh Phúc, với tổng giá trị tài sản chiếm đoạt là 614.758.000đ, cụ thể Nh sau:

Vụ thứ nhất:

Do cần tiền tiêu sài cá nhân nên Đỗ Cao Q đã nảy sinh ý định thuê xe ô tô sau đó cầm cố lấy tiền. Để thực hiện ý định trên, ngày 18/5/2018, Q đã thuê xe ô tô BKS: 88A – 163.42 của A Lê Thành G, sau đó đem cầm cố chiếc xe trên cho A Nguyễn V H lấy số tiền 240.000.000đ rồi tiêu sài cá nhân hết. Kết luận định giá trị giá chiếc xe là 320.000.000đ.

Vụ thứ hai:

Do cần tiền tiêu sài cá nhân nên Đỗ Cao Q đã nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người khác, để thực hiện ý định trên, khoảng 7 giờ ngày 28/6/2018, Q chuẩn bị 01 hộp bìa các tông bên trong để 01 đôi giấy thẻ thao đã cũ rồi dán kín hộp bìa các tông bằng băng dính, sau đó Q nhờ A Đào V Q1 (là người cùng hội vận chuyển hàng với Q thời gian trước đây) đi Gi hàng giúp Q theo địa chỉ giả mà Q đã bịa ra, Q nói dối bên trong là linh kiện điện tử có giá trị là 12.500.000đ, trong đó bao gồm giá trị tiền hàng là 11.700.000đ và cước vận chuyển là 800.000đ, A Q1 đồng ý, Q bảo A Q1 tạm ứng cho Q số tiền 11.700.000đ tiền hàng (cách thức Gi nhận hàng qua điện thoại hoặc qua mạng internet là người Gi hàng phải ứng trước một khoản tiền tương đương với giá trị món hàng, sau khi Gi hàng cho khách thì khách sẽ trả tiền hàng và tiền công vận chuyển), A Q1 tưởng thật nên đã đưa cho Q 11.700.000đ, sau khi chiếm đoạt số tiền trên, Q đã tiêu xài cá nhân hết.

Vụ thứ ba:

Do cần tiền tiêu xài cá nhân, vẫn trong ngày 28/6/2018, Đỗ Cao Q giả vờ mượn xe mô tô BKS: 88D1 – 151.69 của A Đặng V H để đưa bố vợ đi khám bệnh. A H tưởng thật đã Gi chiếc xe trên cho Q, sau đó Q đem bán cho A Phan Bá L với giá 22.000.000đ, A L bán cho A Nguyễn V Bảo với giá 22.500.000đ, sau đó A Bảo bị kẻ gian trộm cắp. Kết luận định giá chiếc xe trị giá 9.000.000đ.

Vụ thứ tư:

Do cần tiền tiêu xài cá nhân, Đỗ Cao Q nảy sinh ý định giả vờ mua xe của người rao bán xe, sau đó tìm cách tiếp cận rồi chiếm đoạt. Để thực hiện ý định trên, ngày 30/6/2018, Q điện thoại cho A Phạm Đình T giả vờ hỏi mua xe mô tô

nhãn hiệu Exciter, BKS: 88K1-224.17 rồi hẹn gặp để xem xe. Khi gặp nhau Q bảo A T đưa đăng ký cho Q xem và Gi xe cho Q đi thử, A T tưởng thật nên Gi xe và đăng ký xe cho Q, sau đó lợi dụng lúc A T không để ý, Q điều khiển xe đi mất, sau đó Q đem bán cho A Nguyễn V Phi với giá 25.000.000đ, A Phi bán cho A Phạm Xuân Th với giá 28.500.000đ, A Th bán cho A Phạm Quốc Đ với giá 31.500.000đ. Kết luận định giá chiếc xe trị giá 31.500.000đ.

Vụ thứ năm:

Với cách thức giả vờ mua xe mô tô, sau đó tiếp cận rồi tìm cách chiếm đoạt Nh trên, ngày 05/7/2019, Đỗ Cao Q gọi điện cho A Trần Tr G giả vờ hỏi mua xe mô tô Exciter, BKS: 88D1 -258.29 và hẹn gặp A G để xem xe. Khi gặp nhau, Q bảo A G đưa đăng ký xe cho xem và đưa xe cho Q đi thử, A G tưởng thật Gi đăng ký xe và xe cho Q đi thử, lợi dụng lúc A G không để ý, Q điều khiển xe đi mất, sau đó để lại chiếc xe trên làm tin và vay của chị Nguyễn Thị H 21.000.000đ, hẹn đến ngày 15/7/2018 thì trả tiền cho chị H, nếu không trả tiền chị H có quyền bán xe. Đến ngày 15/7/2018 Q không quay lại trả tiền nên chị H đã nhờ A Lưu V Đ bán xe cho A Kiều V Ch với giá 26.700.000đ. Kết luận định giá chiếc xe trị giá 28.000.000đ.

Vụ thứ sáu:

Do cần tiền tiêu sài cá nhân nên Đỗ Cao Q nảy sinh ý định mượn xe mô tô của người quen, sau đó đem bán lấy tiền tiêu xài. Để thực hiện ý định trên, ngày 06/7/2018, Q giả vờ mượn xe Honda Airblade, BKS: 88D1 – 309.17 của A Vũ Việt A để đi mượn tiền người quen, A Việt A tưởng thật Gi xe cho Q sau đó Q đem bán chiếc xe trên cho A Đỗ H3 M với giá 25.000.000đ, số tiền trên Q tiêu xài cá nhân hết. Kết luận định giá trị giá chiếc xe là 35.000.000đ.

Vụ thứ bảy:

Với cách thức giả vờ mua xe mô tô, sau đó tiếp cận rồi tìm cách chiếm đoạt, ngày 14/7/2018, Q gọi điện cho A Nguyễn Đình V giả vờ hỏi mua xe mô tô Dream, BKS: 88D1 – 117.52 và hẹn gặp để xem xe. Khi gặp nhau, Q bảo A V cho xem đăng ký xe và đưa xe cho Q đi thử, lợi dụng lúc A V không để ý Q điều khiển xe đi mất, sau đó đem bán cho A Phan V L với giá 22.000.000đ, A L bán cho một người nam giới không biết tên, tuổi, địa chỉ với giá 23.000.000đ. Kết luận định giá trị giá chiếc xe là 9.000.000đ.

Vụ thứ tám:

Với cách thức giả vờ thuê xe mô tô đi quảng cáo điện thoại di động, sau đó tiếp cận và tìm cách chiếm đoạt, ngày 15/7/2018, Đỗ Cao Q gọi điện cho A Trần Ngọc Đ tự giới thiệu là người của cửa hàng thể giới di động cần thuê xe mô tô Exciter BKS: 88D1 – 312.96 của A Đ để đi quảng cáo điện thoại di động và hẹn gặp để đi thử xe. Khi gặp nhau Q bảo A Đ đưa đăng ký xe để Q chụp ảnh làm hợp đồng và đưa xe cho Q đi thử làm mẫu, A Đ tưởng thật Gi đăng ký xe và xe

cho Q đi thử thì Q điều khiển xe đi mất, sau đó đem bán xe cho A Dương V H với giá 28.500.000đ, A H bán cho A Nguyễn Việt V với giá 30.000.000đ, A V bán cho A Đặng V L với giá 30.500.000đ, A L bán cho A Nguyễn Công M với giá 34.500.000đ. Kết luận định giá trị giá chiếc xe là 29.500.000đ.

Vụ thứ chín:

Với cách thức giả vờ thuê xe mô tô đi quảng cáo điện thoại di động, sau đó tiếp cận và tìm cách chiếm đoạt Nh trên, Q liên hệ với chị Nguyễn Thị Quỳnh Nh giả vờ thuê xe mô tô Exciter BKS: 88B1 – 128.22 để đi quảng cáo điện thoại di động và hẹn gặp để đi thử xe. Khi gặp nhau Q bảo chị Nh đưa đăng ký cho Q xem và đưa xe cho Q đi thử làm mẫu, chị Nh tưởng thật đưa đăng ký xe và xe cho Q rồi Q điều khiển xe đi mất, sau đó đem bán cho ông Nguyễn V Gi với giá 18.500.000đ. Kết luận định giá trị giá chiếc xe là 20.000.000đ.

Vụ thứ mười:

Với cách thức giả vờ thuê xe mô tô đi quảng cáo điện thoại di động, sau đó tiếp cận và tìm cách chiếm đoạt Nh trên, Q liên hệ với A Nguyễn Tuấn A giả vờ thuê xe mô tô Exciter BKS: 19P1 – 262.93 để đi quảng cáo điện thoại di động và hẹn gặp để đi thử xe, do Tuấn A không có giấy phép lái xe nên đã để chị Nguyễn Thị H đi thay. Sau đó Q bảo chị H để đăng ký xe vào cốp và đưa xe cho Q đi thử làm mẫu, chị H tưởng thật đưa xe cho Q rồi Q điều khiển xe đi mất, sau đó đem bán cho A PH3 V H3 với giá 29.500.000đ, A H3 bán cho A Nguyễn Đình H với giá 31.000.000đ. Kết luận định giá trị giá chiếc xe là 29.720.000đ.

Vụ thứ mười một:

Với cách thức giả vờ thuê xe mô tô đi quảng cáo điện thoại di động, sau đó tiếp cận và tìm cách chiếm đoạt Nh trên, ngày 28/7/2018 Q liên hệ với A Phạm Bá M giả vờ thuê xe mô tô Exciter BKS: 19B1 – 367.21 để đi quảng cáo điện thoại di động và hẹn gặp để đi thử xe. Khi gặp nhau Q bảo A M đưa xe và đăng ký xe để Q hướng dẫn cách điều khiển xe, dừng xe, xuất trình giấy tờ để chụp ảnh, A M tưởng thật Gi xe và đăng ký xe cho Q, sau đó Q phóng xe đi mất và đem bán cho A Dương Xuân Tr với giá 30.000.000đ. Kết luận định giá trị giá chiếc xe là 26.005.000đ.

Vụ thứ mười hai:

Với cách thức giả vờ thuê xe mô tô đi quảng cáo điện thoại di động, sau đó tiếp cận và tìm cách chiếm đoạt Nh trên, ngày 05/8/2018 Q liên hệ với A Nguyễn V Đ giả vờ thuê xe mô tô Exciter BKS: 88F1 – 392.73 để đi quảng cáo điện thoại di động và hẹn gặp để đi thử xe. Khi gặp nhau Q bảo A Đ đưa đăng ký xe để chụp ảnh, sau đó Q cố tình để vào cốp xe. Sau khi rủ A Đ đi thuê nhà nghỉ, đến sáng hôm sau Q điều khiển xe chở A Đ đi ăn sáng, khi đang ăn Q giả vờ ra ngoài nghe điện thoại rồi đem xe đi bán cho A Nguyễn Việt V với giá

32.000.000đ, A V bán cho A Lò V T với giá 33.700.000đ. Kết luận định giá trị giá chiếc xe là 32.000.000đ.

Vụ thứ mười ba:

Với cách thức giả vờ thuê xe mô tô đi quảng cáo điện thoại di động, sau đó tiếp cận và tìm cách chiếm đoạt Nh trên, ngày 20/8/2018 Q liên hệ với A Nguyễn V Quân giả vờ thuê xe mô tô Exciter BKS: 88G1 – 331.70 để đi quảng cáo điện thoại di động và hẹn gặp để đi thử xe. Khi gặp nhau Q bảo đi quảng cáo phải đem theo giấy tờ xe nên A Quân đã để đăng ký xe vào cốp xe, sau đó Q bảo đưa xe cho Q đi thử làm mẫu, A Quân tưởng thật đưa xe cho Q, lợi dụng lúc A Quân không để ý Q điều khiển xe đi mất (trên đường đi Q kiểm tra ở giỏ xe có 01 điện thoại Iphone 7 Plus A Quân để ở đó) rồi Q đến gặp A Vũ Trọng Kiên để bán xe, nghi ngờ Q có hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản nên A Quân đã điện báo Cơ quan Công an thành phố VY. Kết luận định giá trị giá chiếc xe trên là 25.333.000đ và chiếc điện thoại trị giá 8.000.000đ.

[3] Hành vi nêu trên của bị cáo Đỗ Cao Q đã phạm vào tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 4 điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015 Nh sau:

"4. Phạm tội thuộc một trong các Tr hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 12 năm đến 20 năm hoặc tù Ch thân:

a. Chiếm đoạt tài sản trị giá 500 triệu đồng trở lên".

[4] Xét tính chất vụ án thuộc Tr hợp đặc biệt nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, chỉ trong một thời gian ngắn bị cáo đã thực hiện 13 vụ lừa đảo thể hiện sự coi thường pháp luật. Hành vi phạm tội nêu trên của bị cáo gây bất bình trong dư luận quần chúng nhân dân ảnh hưởng tới tình hình an ninh chính trị tại địa pH. Do vậy cần xử phạt nghiêm đối với bị cáo để giáo dục riêng và phòng chống tội phạm nói Ch.

Khi Q1 định hình phạt, Hội đồng xét xử có xem xét đến tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Nh: Bị cáo phạm tội 02 lần trở lên, bản thân có 01 tiền án chưa được xóa án tích nên lần này phạm tội thuộc Tr hợp tái phạm nên bị áp dụng theo điểm g, h khoản 1 điều 52 Bộ luật hình sự. Tại cơ quan điều tra cũng Nh tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Ngày 11 tháng 12 năm 2018, bị cáo Đỗ Cao Q bị Tòa án nhân dân thành phố HG, tỉnh HG xử phạt 17 tháng tù và ngày 24 tháng 01 năm 2019 bị Tòa án nhân dân huyện ĐT, tỉnh Thái Nguyên xử phạt 24 tháng tù đều về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" nên cần tổng hợp hình phạt của hai bản án với bản án này buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt Ch của cả ba bản án.

[5] Về vật chứng vụ án và trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 47, 48 Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015:

- Trả cho A Đặng V H 500.000đ (số tiền do A Phan Bá L Gi nộp); Trả cho A Phạm Xuân Th 3.000.000đ (số tiền do A Phạm Xuân Th Gi nộp); Trả cho ông Kiều V Ch 5.700.000đ (số tiền do chị Nguyễn Thị H và A Lưu V Đ Gi nộp); Trả cho A Nguyễn Đình V 1.000.000đ (số tiền do A Phan V L Gi nộp); Trả cho A Nguyễn Công M 2.000.000đ (số tiền do A Dương V H và Nguyễn Việt V Gi nộp); trả lại cho A Lò V T 1.700.000đ (số tiền do A Nguyễn Việt V Gi nộp).

- Trả lại cho A Phạm Bá M 01 giấy phép lái xe mang tên Phạm Bá M.

- Buộc Đỗ Cao Q phải bồi thường cho A Nguyễn V H số tiền 240.000.000đ, bồi thường cho A Đào V Q1 11.700.000đ; bồi thường cho A Đặng V H số tiền 22.500.000đ; bồi thường cho A Nguyễn V Phi số tiền 25.000.000đ; bồi thường cho ông Kiều V Ch số tiền 21.000.000đ; bồi thường cho A Đỗ H3 M số tiền 25.000.000đ; bồi thường cho A Nguyễn Đình V số tiền 22.000.000đ; bồi thường cho A Nguyễn Công M số tiền 32.500.000đ; bồi thường cho A PH3 V H3 số tiền 28.500.000đ, bồi thường cho ông Nguyễn V Gi số tiền 18.500.000đ; bồi thường cho A Dương Xuân Tr số tiền 30.000.000đ; bồi thường cho A Lò V T số tiền 32.000.000đ.

Buộc Phạm Xuân Th phải trả cho A Phạm Quốc Đ 31.500.000đ, buộc Nguyễn V Phi phải trả cho Phạm Xuân Th 28.500.000đ.

Truy thu của Đặng V L số tiền 4.000.000đ (số tiền L được hưởng lợi từ việc bán xe do Đỗ Cao Q lừa đảo chiếm đoạt mà có).

Tịch thu bán sung công quỹ điện thoại Iphone 6 và điện thoại Nokia Đỗ Cao Q sử dụng làm pH tiện liên lạc khi thực hiện hành vi phạm tội.

Tịch thu tiêu hủy đôi giày thể thao (có đặc điểm Nh trong biên bản tạm giữ).

Xác nhận: Cơ quan điều tra đã thu giữ và trả lại 01 xe ô tô cho A Lê Thành G, xe mô tô và đăng ký xe cho A Phạm Đình T, Trần Tr G, Vũ Việt A, Trần Ngọc Đ, Nguyễn Thị Quỳnh Nh, Nguyễn Tuấn A, Phạm Bá M, Nguyễn V Đ và Nguyễn V Quân là hợp pháp.

[6] Về án phí bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: Bị cáo Đỗ Cao Q phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm g, h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 56 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt: Đỗ Cao Q 15 (Mười lăm năm) tù, tổng hợp với hình phạt 17 tháng tù của bản án số 43/2018/HS-ST ngày 11/12/2018 của Tòa án nhân dân

thành phố HG, tỉnh HG và hình phạt 24 tháng tù của bản án số 03/2019/HS-ST ngày 24/01/2019 của Tòa án nhân dân huyện ĐT, tỉnh Thái Nguyên buộc bị cáo Đỗ Cao Q phải chấp hành hình phạt Ch của cả ba bản án là 18 (Mười tám) năm 05 (năm) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 20/8/2018.

Căn cứ Điều 47; 48 Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Trả lại cho A Đặng V H 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng); A Phạm Xuân Th 3.000.000đ (Ba triệu đồng); ông Kiều V Ch 5.700.000đ (Năm triệu bảy trăm nghìn đồng); A Nguyễn Đình V 1.000.000đ (Một triệu đồng); A Nguyễn Công M 2.000.000đ (Hai triệu đồng) A Lò V T 1.700.000đ (Một triệu bảy trăm nghìn đồng).

Buộc Đỗ Cao Q phải bồi thường cho A Nguyễn V H số tiền 240.000.000đ (Hai trăm bốn mươi triệu đồng), bồi thường cho A Đào V Q1 11.700.000đ (Mười một triệu bảy trăm nghìn đồng); bồi thường cho A Đặng V H số tiền 22.500.000đ (Hai mươi hai triệu năm trăm nghìn đồng); bồi thường cho A Nguyễn V Phi số tiền 25.000.000đ (Hai mươi lăm triệu đồng); bồi thường cho ông Kiều V Ch số tiền 21.000.000đ (Hai mươi một triệu đồng); bồi thường cho A Đỗ H3 M số tiền 25.000.000đ (Hai mươi lăm triệu đồng); bồi thường cho A Nguyễn Đình V số tiền 22.000.000đ (Hai mươi hai triệu đồng); bồi thường cho A Nguyễn Công M số tiền 32.500.000đ; bồi thường cho A PH3 V H3 số tiền 28.500.000đ (Hai mươi tám triệu năm trăm nghìn đồng), bồi thường cho ông Nguyễn V Gi số tiền 18.500.000đ (Mười tám triệu năm trăm nghìn đồng); bồi thường cho A Dương Xuân Tr số tiền 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng); bồi thường cho A Lò V T số tiền 32.000.000đ (Ba mươi hai triệu đồng).

Buộc Phạm Xuân Th phải trả cho A Phạm Quốc Đ 31.500.000đ (Ba mươi một triệu năm trăm nghìn đồng), buộc Nguyễn V Phi phải trả cho Phạm Xuân Th 28.500.000đ (Hai mươi tám triệu năm trăm nghìn đồng).

Tr hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả chưa trả theo quy định tại các Điều 357 và 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Truy thu của Đặng V L số tiền 4.000.000đ (Bốn triệu đồng).

Trả lại cho A Phạm Bá M 01 giấy phép lái xe mang tên Phạm Bá M. Tịch thu bán sung công quỹ Nhà nước 01 điện thoại Iphone 6 và 01 điện thoại Nokia của Đỗ Cao Q. Tịch thu tiêu hủy 01 đôi giày thể thao màu đỏ, đen; 01 hộp giấy các tông (theo biên bản bàn Gi vật chứng ngày 15 tháng 02 năm 2019 giữa Cục thi hành án tỉnh Vĩnh Phúc với Công an tỉnh Vĩnh Phúc).

Xác nhận: Cơ quan điều tra đã thu giữ và trả lại 01 xe ô tô cho A Lê Thành G, xe mô tô và đăng ký xe cho A Phạm Đình T, Trần Tr G, Vũ Việt A, Trần

Ngọc Đ, Nguyễn Thị Quỳnh Nh, Nguyễn Tuấn A, Phạm Bá M, Nguyễn V Đ và Nguyễn V Quân là hợp pháp.

Về án phí: Căn cứ Nghị Q1 số 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo Đỗ Cao Q phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 24.348.000đ (Hai mươi bốn triệu ba trăm bốn mươi tám nghìn đồng) án phí dân sự trong án hình sự.

Tr hợp bản án, Q1 định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân cấp trên để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận

- VKSND Cấp cao tại Hà Nội;
- Công an tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- Cục THA dân sự tỉnh Vĩnh Phúc;
- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Phúc;
- Bị cáo; Luật sư;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ + Tòa hình sự.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

(ĐÃ KÝ)

Trần V Thái